

(Dự thảo)

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ**của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX****tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030**

Đảng bộ tỉnh Bắc Giang hiện có 14 tổ chức đảng trực thuộc với gần 92.000 đảng viên, sinh hoạt tại 590 tổ chức cơ sở đảng. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức 19 kỳ đại hội. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nhiều thập kỷ qua, Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang vượt qua khó khăn, thử thách, giành nhiều thắng lợi to lớn. Từ thực tiễn lãnh đạo, Đảng bộ đã không ngừng phát triển cả về lý luận, kinh nghiệm và phương thức lãnh đạo. Mỗi kỳ Đại hội tiếp tục là một bước để Đảng bộ tổng kết những kinh nghiệm được rút ra từ những thành công, cũng như những hạn chế, bất cập, từ đó không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện.

Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh địa phương và cả nước đang chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo 5 năm vừa qua, đề ra chủ trương, nhiệm vụ lãnh đạo phát triển tỉnh trong 5 năm tới, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, khi Đảng ta tròn 100 năm Ngày thành lập (1930-2030) và hướng đến hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-2045), nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phương châm (dự kiến) chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình mới: **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”**.

Đại hội lần thứ XX với chủ đề: **“Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị tinh - gọn - mạnh; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, xây dựng tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, bền vững, nằm trong nhóm 11 tỉnh, thành phố phát triển có quy mô kinh tế (GRDP) dẫn đầu cả nước vào năm 2030”**.

**Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT
KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX**

Năm năm qua (2020-2025), bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, nhiều rủi ro, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt ngoài khả năng dự báo. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm; xung đột dân tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, chiến tranh thương mại, chiến tranh mạng, các hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tài nguyên... diễn ra dưới những hình thức mới, gay gắt hơn. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống diễn biến ngày càng phức tạp, nghiêm trọng. Xu hướng toàn cầu hóa và liên kết kinh tế tiến triển mạnh, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn,... phát triển và tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong nước, cơ sở, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng lên, vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng được đổi mới, nâng cao; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, quốc phòng, an ninh được tăng cường, đối ngoại được đẩy mạnh, mở rộng. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ qua, dưới tác động của tình hình thế giới và hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ,... đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, rất gay gắt, nặng nề; nền kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng;...

Tỉnh ta có nhiều thời cơ hết sức thuận lợi để phát huy tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và nguồn nhân lực để phát triển địa phương; cùng với đó là việc được kế thừa nhiều kết quả, thành tựu nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực của các nhiệm kỳ trước, nhất là kinh tế - xã hội của tỉnh là điểm sáng của cả nước trên nhiều lĩnh vực; tình hình an ninh, trật tự ổn định; hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố vững mạnh; lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc; hình ảnh, vị thế của tỉnh được khẳng định và từng bước nâng

lên. Tuy nhiên, Bắc Giang cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn, đại dịch Covid-19 kéo dài, có thời điểm Bắc Giang là tâm dịch của cả nước; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là cơn bão số 3 xảy ra gần cuối năm 2024 gây hậu quả nặng nề trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, việc một số tổ chức, cá nhân bị điều tra, xử lý liên quan đến sai phạm trong triển khai thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh... đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Song, được sự quan tâm lãnh đạo, tạo điều kiện của Trung ương, sự phối hợp, hỗ trợ của các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang tiếp tục giữ vững truyền thống đoàn kết, quyết tâm cao, linh hoạt, đột phá, đổi mới sáng tạo, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động các nguồn lực cho đầu tư và phát triển, thực hiện đạt kết quả khá toàn diện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, đưa Bắc Giang trở thành tỉnh phát triển nhanh, toàn diện và năng động với nhiều chỉ tiêu dẫn đầu khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và cả nước, tạo nền tảng để tỉnh tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc trong những năm tới.

I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**1. Lĩnh vực kinh tế**

Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển tích cực, toàn diện, nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân trên địa bàn đạt 14%/năm (đạt mục tiêu Đại hội 14-15%), luôn đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước⁽¹⁾, cao hơn...% bình quân giai đoạn 2016-2020. Quy mô GRDP (giá hiện hành) đến năm 2025 ước đạt 239.163 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2 lần năm 2020, đứng thứ 12 cả nước, tăng 4 bậc so với đầu nhiệm kỳ (vượt mục tiêu Đại hội đến năm 2025 đứng thứ 15 cả nước); GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 4.900 USD/người/năm, tương đương bình quân chung cả nước, gấp 1,63 lần

so với đầu nhiệm kỳ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt khoảng 366,3 nghìn tỷ đồng (mục tiêu Đại hội phấn đấu đạt 470 nghìn tỷ đồng). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Công nghiệp - xây dựng chiếm 69% (tăng 12,9% so với năm 2020); dịch vụ chiếm 18,4%; nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,8%. Các ngành, lĩnh vực kinh tế từng bước được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tăng sức cạnh tranh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh và tăng cường liên kết vùng.

1.1. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng trưởng cao. Tỉnh ủy đã ban hành và chỉ đạo thực hiện nghị quyết chuyên đề phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tiếp tục khẳng định công nghiệp là trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh⁽²⁾; phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, đồng bộ với phát triển đô thị, dịch vụ để tạo ra “hệ sinh thái công nghiệp”. Chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp được nâng lên; công tác lập và quản lý quy hoạch phát triển công nghiệp được chú trọng; hệ thống hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang phát triển khá nhanh⁽³⁾.

Chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh luôn đứng đầu cả nước; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20,1%/năm, đạt...% mục tiêu Đại hội; quy mô sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) đến năm 2025 ước đạt trên 888 nghìn tỷ đồng (gấp 2,9 lần so với năm 2020), trong đó tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 98,5% toàn ngành, tăng 0,73 điểm phần trăm so năm 2020; khu vực FDI chiếm 91,4%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 6,9% và khu vực nhà nước 1,7%. Kết quả thu hút đầu tư trong các KCN, cụm công nghiệp (CCN) đạt kết quả tích cực, bước đầu thu hút được các dự án có tính chất dẫn dắt, hoạt động hiệu quả⁽⁴⁾. Quy mô sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) trong các KCN năm 2025 ước đạt 717,6 nghìn tỷ đồng (tăng 514,4 nghìn tỷ đồng so với năm 2020, chiếm...% giá trị sản xuất toàn tỉnh).

Phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Toàn tỉnh hiện có 27 làng nghề truyền thống được công

¹ Trong đó: Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2021 đạt 8,52%, đứng thứ 9 cả nước; năm 2022 đạt 19,30% đứng thứ 2 cả nước; năm 2023 đạt 14,99%, năm 2024 đạt 13,85%, đứng đầu cả nước; năm 2025 ước đạt 13,60%.

² Ngành công nghiệp - xây dựng đóng góp 12,5 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu kinh tế, ước năm 2025 chiếm 69,3%, tăng 13,2% so với năm 2020, đạt mục tiêu đề ra.

³ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh đã quy hoạch mới thêm 20 KCN, 24 CCN; trong đó, 10 KCN mới và 04 KCN mở rộng được chấp thuận chủ trương đầu tư, 12 CCN được thành lập (tăng 10 KCN mới và tăng 4 KCN mở rộng so với nhiệm kỳ XVIII).

⁴ Lũy kế đến nay trong các KCN thu hút 510 dự án còn hiệu lực (gồm 394 dự án FDI và 116 dự án DDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 11,2 tỷ USD và 30.353 tỷ đồng; vốn đầu tư thực hiện ước đạt khoảng 8,125 tỷ USD và khoảng 13.078 tỷ đồng.

nhận; tập trung vào các sản phẩm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, sản xuất đồ gỗ, mây tre đan... Một số sản phẩm làng nghề đã xây dựng được thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý⁵ được bảo hộ ở nhiều quốc gia.

Lĩnh vực xây dựng phát triển tích cực, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 0,56%; năng lực ngành xây dựng của tỉnh ngày càng nâng lên; đến năm 2025, ước đạt trên 46 nghìn tỷ đồng. Nhiều công trình, dự án trọng điểm có quy mô lớn được triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo từ đô thị đến nông thôn. Công tác quản lý đầu tư xây dựng được tăng cường, chất lượng công trình xây dựng được nâng lên.

1.2. Lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng hiện đại dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch; thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, điều kiện dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19; khẳng định là trụ đỡ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đã phát huy điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu, gắn với đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trình độ thâm canh trong sản xuất, từng bước gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị nông sản hàng hóa của tỉnh. Quan tâm làm tốt công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Đã tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư. Tốc độ tăng trưởng GRDP toàn ngành bình quân đạt 2,2%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 2,2%, năm 2025 (giá hiện hành) ước đạt 42,2 nghìn tỷ đồng, đứng đầu khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, đứng thứ 4 miền Bắc. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp năm 2025 ước đạt 140 triệu đồng, đạt 100% mục tiêu Đại hội.

Quan tâm chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, các hàng hóa chủ lực có chất lượng; đã số hóa 479 vùng sản xuất các nông sản chủ lực, đặc trưng; xây dựng 1.520 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao; 56 sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và 04 sản phẩm được đăng ký và cấp bằng bảo hộ tại

nước ngoài⁶. Hết năm 2025, tỉnh có 425 sản phẩm OCOP (tăng 330 sản phẩm, gấp gần 5 lần so với năm 2020). Tiếp tục duy trì vùng trồng cây ăn quả Lục Ngạn, Chủ là một trong những vùng có quy mô lớn nhất cả nước. Chăn nuôi phát triển đa dạng cả chăn nuôi gia súc, gia cầm⁷; chuyển dịch mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo quy mô trang trại. Thủy sản phát triển theo hướng thâm canh, bán thâm canh và theo hướng VietGAP, an toàn sinh học.

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo; diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt. Cơ bản hoàn thành công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, tạo điều kiện cho các chủ rừng yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất ổn định, lâu dài. Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh trồng được trên 50 nghìn ha rừng; sản lượng gỗ khai thác đạt gần 4,8 triệu m³. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,5%.

Xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ, trong nhóm dẫn đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Hết năm 2025, toàn tỉnh có 6/9 huyện và 161/182 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 88,46%, vượt 4,3% so mục tiêu đề ra⁸, cao hơn bình quân chung của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước. Hiệu quả mang lại từ phong trào xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực đến đời sống người dân và diện mạo của các vùng nông thôn.

1.3. Lĩnh vực dịch vụ: Tiếp tục phát triển đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 6,7%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 9,43%/năm (giá so sánh 2010); ước năm 2025 (giá hiện hành) đạt trên 72,5 nghìn tỷ đồng. Hệ thống bán lẻ phát triển rộng khắp đến các thôn, bản; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2025 ước đạt 68,5 nghìn tỷ đồng (mục tiêu đến năm 2025 đạt 56.000 tỷ đồng), tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 17%/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng cao, ước bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 27%/năm; năm 2025, giá trị xuất khẩu ước đạt 37 tỷ USD.

Tập trung quy hoạch và đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng dịch

vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại, phát huy lợi thế về vị trí trung chuyển hàng hóa; đưa vào khai thác cảng đường sắt liên vận Kép, triển khai quy hoạch, các bước quy trình đầu tư phát triển khu dịch vụ tổng hợp logistic, ICD, sân golf... Quan tâm làm tốt công tác quản lý thị trường, giá cả; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Kết cấu hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải tiếp tục phát triển nhanh, chất lượng hoạt động được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm và thông tin, liên lạc, đi lại của người dân. Hệ thống các tổ chức tín dụng phát triển nhanh. Tăng trưởng tín dụng bình quân đạt ...%/năm, bảo đảm cung ứng đủ nguồn vốn cho nền kinh tế; dư nợ đạt ... tỷ đồng, gấp hơn ... lần so với năm 2020. Các dịch vụ giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật, bảo hiểm... tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng. Du lịch chuyển biến tích cực, lượng khách du lịch đến tỉnh tăng mạnh; tổng số khách du lịch giai đoạn 2021-2025 ước đạt 9,3 triệu lượt khách, doanh thu ước đạt 7.237 tỷ đồng (tăng ... triệu lượt khách, ... tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020).

1.4. Thu, chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ. Đã triển khai nhiều giải pháp quản lý nguồn thu, nhất là thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt 20.393 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 8,7%/năm. Thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết năm 2025 tăng trưởng khá ổn định, dự kiến đạt 11.210 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 14,4%/năm; bảo đảm cân đối được 60% chi thường xuyên, tăng 14,5% so với đầu nhiệm kỳ. Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 dự kiến đạt 2.350 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 12%/năm. Số thu từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương giảm dần⁹.

Chi ngân sách được chỉ đạo điều hành, quản lý chặt chẽ, theo đúng dự toán, tiết kiệm, hiệu quả. Năm 2025, ước tổng chi ngân sách địa phương đạt 35.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 6,3%/năm, trong đó, chi thường xuyên tăng 7,8%/năm. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước có chuyển biến tích cực,

theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên¹⁰.

1.5. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị thường xuyên được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp và đô thị, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng ngày càng được quan tâm, nâng cao chất lượng và thực hiện chặt chẽ, mở ra không gian, động lực phát triển mới¹¹. Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời sớm hoàn thành và được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với các quy hoạch cấp cao hơn.

Không gian đô thị phát triển nhanh, chất lượng đô thị được nâng lên; diện mạo đô thị thay đổi rõ nét, ngày càng khang trang, hiện đại hơn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết chuyên đề về xây dựng, phát triển thành phố Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, phát triển huyện Việt Yên trở thành thị xã vào năm 2025, huyện Hiệp Hòa trở thành thị xã vào năm 2027 và nhiều văn bản về phát triển đô thị. Tập trung cao chỉ đạo và hoàn thành sáp nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang; sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và một phần huyện Sơn Động để chia tách, thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn (mới). Đến nay, toàn tỉnh có 17 đô thị. Tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 21,69% năm 2020 lên 57,1%, vượt 24,7% so với mục tiêu Đại hội (32,4%).

Hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư; nhiều dự án quy mô lớn, có tính động lực, liên kết vùng cao được xây dựng, tạo không gian phát triển, diện mạo mới cho các địa phương, góp phần tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng¹². Hạ tầng công nghiệp được quan tâm, tỉnh đã quy hoạch mới 20 KCN, 24 CCN, bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ.

Tiến độ giải ngân đầu tư công chuyển biến tích cực, hiệu quả đầu tư ngày càng được nâng cao, tạo nguồn

⁵ Sản phẩm mỳ gạo của làng nghề Thủ Dương, xã Nam Dương, thị xã Chũ; sản phẩm rượu làng Vân, sản phẩm bánh đa nem của làng nghề Thổ Hà, xã Vân Hà, thị xã Việt Yên; sản phẩm bánh đa của làng nghề Sâu, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang; sản phẩm mỳ gạo của làng nghề Châu Sơn, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên.

⁶ Vải thiều Lục Ngạn, mỳ Chũ, mỳ Ké, gà đồi Yên Thế.

⁷ Tổng đàn lợn khoảng 900 nghìn con, đứng thứ 7 toàn quốc, đàn gà 17,5 triệu con đứng thứ 5 toàn quốc.

⁸ Có 70 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (chiếm 44,0%), 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, dự kiến năm 2025 có 76 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (tính theo số ĐVHC cấp xã chưa sắp xếp).

⁹ Năm 2020: 6.536,4 tỷ đồng; năm 2025: 6.282,7 tỷ đồng.

¹⁰ Tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng từ 29,2% đầu nhiệm kỳ lên 32,1% năm 2024.

¹¹ Hoàn thành các quy hoạch chung đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, đô thị Việt Yên, đô thị Chũ, đô thị Hiệp Hòa), các huyện còn lại đều hoàn thành lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện. Hiện nay, 100% các đô thị đều được phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên, thị xã Chũ đạt 100%, quy hoạch chi tiết xây dựng khoảng 85%; các đô thị còn lại tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng đạt khoảng 43%.

¹² Mạng lưới đường tỉnh phát triển đột phá; đã mở mới, nâng cấp được 336km (ước đến hết năm 2025), số lượng tuyến đường tỉnh tăng từ 18 tuyến lên 37 tuyến, chiều dài tăng từ 404,99km lên 893,17km, tỷ lệ đoạn tuyến có quy mô tối thiểu cấp III trở lên tăng từ 40,27% lên 62,74%. Một số dự án quan trọng kết nối nội tỉnh và kết nối với các tỉnh trong vùng đã và đang triển khai như: Dự án mở rộng cầu Như Nguyệt, Dự án xây dựng cầu Hà Bắc 2 tầng cường kết nối giữa Bắc Giang và Bắc Ninh; dự án xây dựng cầu Hòa Sơn và đường dẫn, dự án đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhại, kết nối Bắc Giang với Thái Nguyên; dự án cầu Đông Việt, kết nối Bắc Giang với Hải Dương; dự án đường nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1, tăng cường kết nối Bắc Giang với Lạng Sơn; phối hợp với thành phố Hà Nội hoàn thành đầu tư tuyến đường kết nối cao tốc Hà Nội - Bắc Giang và cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; dự án đường nối từ QL37 - QL17 - ĐT292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang); dự án nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn; dự án cầu Hà Bắc 1, cầu Vân Hà; đường tỉnh 291...



lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng chậm phát triển, vùng khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các huyện trong tỉnh.

1.6. Thu hút đầu tư: Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh có sự cải thiện rõ rệt; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 tăng 29 bậc so với năm 2021, xếp thứ 02/63; năm 2023 đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố, đứng đầu Vùng trung du và các tỉnh miền núi phía Bắc (vượt mục tiêu đề ra); năm 2024 đứng thứ .../63 tỉnh, thành phố. Thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực. Từ đầu năm 2021 đến hết tháng 9/2025, toàn tỉnh thu hút được tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, trong đó thu hút đầu tư FDI luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có dự án đầu tư trong nước và dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đạt tỷ đồng và tỷ USD.

1.7. Phát triển các thành phần kinh tế: Các thành phần kinh tế được quan tâm tạo điều kiện phát triển. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tăng so với giai đoạn 2016-2020. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do tỉnh quản lý được sắp xếp theo đúng lộ trình, kế hoạch, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động. Kinh tế tập thể từng bước đổi mới về mô hình và phương thức hoạt động. Các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh phát triển tăng cả về số lượng và chất lượng¹³. Kinh tế dân doanh phát triển nhanh về số lượng và đa dạng về cơ cấu ngành nghề. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển mạnh, hiện chiếm 76,9% quy mô nền kinh tế toàn tỉnh; có đóng góp quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Các doanh nghiệp cơ bản chấp hành tốt pháp luật về đầu tư, kinh doanh và các nghĩa vụ đối với nhà nước, chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định; chủ động đổi mới công tác quản lý, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; đóng góp tích cực vào việc giải quyết việc làm, nâng giá trị kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.8. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường; đã chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy

định, hướng dẫn, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, nhất là về tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai¹⁴, tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường.

Tập trung thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư. Đã hoàn thành việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hoàn thành và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các huyện, thị xã, thành phố. Công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản được siết chặt, bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích; quan tâm cấp phép hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển.

Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng. Việc thu gom, xử lý rác thải ở khu vực nông thôn, chất thải, nước thải tại các KCN, CCN gắn với tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn từng bước có chuyển biến. Tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý toàn tỉnh đạt 97,1%; tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 87% (thành thị 97,8%, nông thôn 80,9%), đạt và vượt mục tiêu; 100% KCN, 45% CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (đạt mục tiêu); hoàn thành xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không phát sinh cơ sở mới (đạt mục tiêu); các cơ sở phát sinh nguồn thải lớn thực hiện lắp đặt quan trắc tự động. Đã quy hoạch và đưa vào hoạt động 72 khu xử lý rác thải, 02 nhà máy xử lý rác thải¹⁵, đang triển khai đầu tư xây dựng 03 nhà máy xử lý rác tập trung của tỉnh tại thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa. Đã quy hoạch và đưa vào hoạt động 03 công trình nước sạch.

1.9. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN): Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Quan tâm đầu tư các nguồn lực để xây dựng

kết cấu hạ tầng, diện mạo nông thôn vùng DTTS&MN có những thay đổi căn bản, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được cải thiện¹⁶. Công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số ổn định.

2. Phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển. Chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo được chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt. Chất lượng và hiệu quả giáo dục của tỉnh có tiến bộ rõ nét, vị thế của giáo dục Bắc Giang ngày càng được khẳng định, đưa Bắc Giang đứng đầu Cụm thi đua các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc và nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội¹⁷. Quan tâm huy động nguồn lực cho đầu tư cơ sở vật chất¹⁸, quy hoạch mạng lưới trường lớp¹⁹, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới²⁰; triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Công tác xã hội hóa giáo dục, đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Phong trào khuyến học, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học phát triển rộng khắp.

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông được quan tâm chỉ đạo, gắn với phát triển các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, bảo đảm phù hợp với nhu cầu, năng lực của học sinh. Hệ thống các trung tâm giáo dục hướng nghiệp, cơ sở đào tạo nghề được rà soát, sắp xếp lại bảo đảm phù hợp với thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động; từng bước gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt cao hơn bình quân chung của cả nước²¹.

2.2. Đã chú trọng chỉ đạo triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ của khoa học, công nghệ vào sản

xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người dân, bước đầu đã có một số đề tài khoa học được nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản²². Thực hiện triển khai hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ và Thiết bị trực tuyến; triển khai Đề án Phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Quan tâm xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với đăng ký thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư được quan tâm, thúc đẩy quá trình chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, ký kết với các tập đoàn uy tín, có thế mạnh phát triển về công nghệ (Vin Group, FPT, Viettel) xây dựng, triển khai các kế hoạch, chương trình thực hiện thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, bảo vệ an toàn thông tin, thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

2.3. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều thành tựu, bước tiến quan trọng. Hệ thống y tế từng bước được củng cố và kiện toàn, mạng lưới khám, chữa bệnh ngày càng được mở rộng và phát triển cả công lập và ngoài công lập. Các dịch vụ y tế ngày càng đa dạng; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và phục vụ bệnh nhân được cải thiện; việc cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế được đầu tư đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác khám, chữa bệnh và dự phòng; trình độ chuyên môn, y đức, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ y tế, chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, phòng bệnh cho Nhân dân ở các tuyến ngày càng được nâng cao²³. Công tác y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả.

2.4. Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, trong đó thời điểm tháng 5, 6/2021, Bắc Giang là tâm dịch của cả nước, số ca lây nhiễm tăng nhanh, lây lan trên diện rộng, là tỉnh đầu tiên dịch xâm nhập vào các KCN, làm ảnh hưởng nghiêm trọng

¹³ Hiện toàn tỉnh có 1.188 hợp tác xã, tăng... hợp tác xã so với năm 2020.

¹⁴ Qua thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện 16.614 trường hợp vi phạm (vi phạm trước thời điểm ngày 11/6/2020 là 15.975 trường hợp với diện tích 2.725,01 ha; vi phạm từ ngày 11/6/2020 đến nay có 639 trường hợp); đã xử lý và để xuất xử lý kỷ luật 05 tổ chức đảng và 85 đảng viên.

¹⁵ 01 Nhà máy xử lý rác thải tại huyện Lục Ngạn, công suất 100 tấn/ngày; 01 Nhà máy tại huyện Yên Dũng (trước đây), công suất 70 tấn/ngày (hiện nay đang thử nghiệm xử lý 150 tấn/ngày).

¹⁶ Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm từ 21,9% năm 2021 xuống còn 11,57% năm 2024; có 42/73 xã vùng DTTS & MN đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 57,5%. Thu nhập bình quân người DTTS đạt khoảng 45 triệu đồng/người/năm.

¹⁷ Giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm đạt trên 99%; kết quả thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế có bước tiến vượt bậc, đạt nhiều thành tích xuất sắc, cao nhất từ trước đến nay, trong nhiệm kỳ có 331 giải học sinh giỏi cấp Quốc gia; 09 Huy chương khu vực và quốc tế (riêng năm 2024 đoạt 04 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng, đưa Bắc Giang là tỉnh có số học sinh đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic Quốc tế trong 1 năm nhiều nhất cả nước từ xưa đến nay); thi khoa học - kỹ thuật đoạt nhiều giải cao, là 1 trong 2 tỉnh có số giải cao nhất toàn quốc; tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc xếp thứ nhất khu vực I và xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố, cao nhất từ trước đến nay. Hoàn thành phổ cập ở mức độ cao nhất; Bắc Giang là 1 trong 7 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc.

¹⁸ Đến hết năm 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 97,9% (tăng 6,6% so năm 2020; cao hơn 12,4% so với cả nước); có 722 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 96,4% (tăng 4,9% so năm 2020; cao hơn 38% so với cả nước), 226 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt 30,2% (tăng 17,5% so năm 2020).

¹⁹ Toàn tỉnh hiện có 759 cơ sở giáo dục (giảm 3 trường so năm 2020). 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

²⁰ Dự kiến đến hết năm 2025, tỷ lệ giáo viên/lớp ở nhà trẻ 2,5; mẫu giáo đạt 2,2; tiểu học đạt 1,5; THCS 1,9; THPT đạt 2,25.

²¹ Đạt 78% năm 2024 (tăng 8% so với năm 2020) và năm 2025 đạt 80% (đạt 100% mục tiêu Đại hội), trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng cấp, chứng chỉ đạt ước đạt 35% vượt 8% mục tiêu Đại hội.

²² Triển khai 08 đề tài cấp quốc gia, 82 đề tài cấp tỉnh; hỗ trợ, ứng dụng nhân rộng 05 đề tài cấp quốc gia, 27 đề tài cấp tỉnh.

²³ Số giường bệnh đạt 36,4/10.000 dân, vượt mục tiêu Đại hội; số bác sĩ/10.000 dân tăng từ 10,1 lên 13,2, đạt mục tiêu Đại hội; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 99,5%, vượt mục tiêu Đại hội; tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 73,4 lên 74,7 tuổi (tiệm cận mục tiêu Đại hội là 75 tuổi); tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân) còn 9,4%, đạt mục tiêu Đại hội. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2021-2030 đạt 46,8%.

đến mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội, nhất là hoạt động sản xuất, kinh doanh bị đình trệ, hàng trăm nghìn lao động không có việc làm; an toàn, sức khỏe và đời sống của người dân, công nhân lao động bị ảnh hưởng lớn. Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng đã tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo với tinh thần quyết tâm, quyết liệt, chủ động, linh hoạt phòng, chống dịch Covid-19, kiên trì thực hiện “mục tiêu kép”; huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tập trung toàn lực, triển khai quyết liệt, thần tốc, đồng bộ các biện pháp, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương và các địa phương trong cả nước, Bắc Giang đã nhanh chóng chiến thắng, đẩy lùi dịch Covid-19. Có thể khẳng định, chiến thắng dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh là chiến thắng của lòng dân, chiến thắng của tinh thần đoàn kết, thống nhất, trên dưới đồng lòng của cả hệ thống chính trị và toàn dân; kết quả phòng, chống dịch Covid-19 thành công đã góp phần quan trọng bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe của người dân, sớm đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại bình thường, đưa Bắc Giang liên tục từ năm 2022 đến nay luôn dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP). Bắc Giang được ghi nhận, đánh giá cao, là điểm sáng trong cả nước thực hiện tốt “mục tiêu kép”, là địa phương đầu tiên và duy nhất được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

2.5. Phát triển văn hóa, thể thao: Công tác phát triển văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân được coi trọng. Tỉnh ủy đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Giang đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Chỉ đạo tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện quan trọng của tỉnh, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân²⁴. Hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe của người dân được quan tâm đầu tư. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc²⁵. Việc xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nhiều chuyển biến tiến bộ²⁶. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp

tục phát triển rộng khắp; đã chỉ đạo tổ chức thành công đại hội thể dục, thể thao các cấp năm 2022, môn Cầu lông SEA Games 31; thể thao thành tích cao có bước phát triển tiến bộ²⁷.

2.6. Phát triển thông tin, truyền thông: Tỉnh ủy đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số. Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang (DTI) nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành đứng đầu cả nước. Đã chỉ đạo tập trung phát triển hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số, góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh²⁸. Công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản được tăng cường, bảo đảm phát triển và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Các hoạt động thông tin, truyền thông phát triển đa dạng, kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, cổ vũ, động viên Nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

2.7. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống Nhân dân. Đã thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm; từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 167.550 lao động, vượt mục tiêu Đại hội. Quan tâm huy động nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách để đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo; ước năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 1%, giảm 4,27% so với năm 2021 (bắt đầu thực hiện theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025), bình quân giảm trên 1,06%/năm, vượt mục tiêu Đại hội. Tỉnh đặc biệt quan tâm và thực hiện tốt phương châm “3 an”: An ninh, an sinh, an toàn, trong đó đã triển khai và thực hiện chủ trương xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở, nhà xuống cấp cần được sửa chữa, xây mới trước khi có chỉ đạo của Trung ương; toàn tỉnh đã xóa được trên 2.200 nhà, trong đó năm 2024 xóa 1.396 nhà, năm 2025 xóa 833 nhà. Thường xuyên quan tâm giám sát, kiểm tra việc thực

hiện các chính sách đối với người lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các chế độ tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Chú trọng chỉ đạo giải quyết vấn đề nhà ở và các điều kiện sinh hoạt, giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa cho công nhân và con em công nhân các khu công nghiệp.

3. Công tác nội chính, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

3.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương tiếp tục được tăng cường, củng cố; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; từng bước đầu tư xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng, công trình có tính lưỡng dụng cao trong khu vực phòng thủ. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu”, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên, tuyển quân, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện và diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cháy nổ - cháy rừng; chủ động, trách nhiệm trong giúp đỡ Nhân dân phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh... Thực hiện kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong các chương trình, dự án, chính sách phát triển của tỉnh.

3.2. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác dự báo, nắm tình hình được quan tâm, chất lượng được nâng lên, kịp thời xử lý, đấu tranh ngăn chặn hiệu quả, làm thất bại âm mưu, hoạt động gây rối của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tích cực đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội, tập trung cao đấu tranh ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tính chất chuyên nghiệp, tội phạm công nghệ cao, các tệ nạn xã hội gây bức xúc trong Nhân dân²⁹. Thế trận an ninh nhân dân kết hợp với thế trận quốc phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc; phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; việc triển

khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bước đầu phát huy hiệu quả. Toàn tỉnh đã cơ bản xây dựng 100% trụ sở công an cấp xã. Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân đạt nhiều kết quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác, chiến đấu thường xuyên và đột xuất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Triển khai tích cực việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Công an địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.3. Công tác cải cách tư pháp được thực hiện nghiêm túc, nền nếp. Các cơ quan tư pháp phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ được tăng cường, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của các cơ quan tư pháp ngày càng được cải thiện. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, cải cách tư pháp được nâng lên; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hỗ trợ tư pháp có chuyển biến tích cực. Việc số hóa hồ sơ các vụ án hình sự và trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp giai đoạn 2021-2025 được triển khai hiệu quả. Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự theo đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan giảm. Công tác thi hành án dân sự, hình sự và tái hoà nhập cộng đồng được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tích cực.

3.4. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chỉ đạo thực hiện với nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt. Người đứng đầu các cấp, các ngành đã tập trung cao hơn, quyết liệt hơn trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; trên địa bàn tỉnh không phát sinh “điểm nóng” về khiếu kiện. Công tác phối hợp giữa chính quyền các cấp với mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo và tuyên truyền pháp luật về đơn, thư khiếu nại, tố cáo được chú trọng. Hầu hết các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được xem xét, giải quyết kịp thời, tỷ lệ giải quyết đơn hàng năm đạt từ 92-95%; việc tổ chức thực hiện quyết định, kết luận giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo có chuyển biến rõ rệt. Chất lượng giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được nâng lên. Qua đó, đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

²⁴ Các sự kiện quan trọng như: Lễ Kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm và chỉ đạo Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ I (17/10/1963 - 17/10/2023), Lễ công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Việt Yên và các phường thuộc thị xã Việt Yên, Lễ hội kỷ niệm 140 năm Khởi nghĩa Yên Thế (1884-2024)...

²⁵ Toàn tỉnh hiện có 759 di tích được xếp hạng, trong đó có 06 di tích, cụm di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt; 91 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 630 di tích xếp hạng cấp tỉnh; 05 bảo vật quốc gia; có 04 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh; có 01 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương; có 17 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

²⁶ Ước năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 89,3% và tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 82,9% (đạt chỉ tiêu Đại hội); tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 81%; tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã đạt 97% theo chuẩn quy định (đạt mục tiêu Đại hội).

²⁷ Tại SEA Games 31, thể thao Bắc Giang có 09 VĐV tham gia thi đấu giành được 05 HCV, 01 HCB, 02 HCD; tại SEA Games 32, thể thao Bắc Giang có 02 HLV, 06 VĐV tham gia thi đấu giành được 5 HCV, 01 HCB, 1 HCD; tham dự Đại hội TDTT toàn quốc xếp thứ 17/65 tỉnh, thành, ngành và xếp thứ 2/19 tỉnh miền núi của cả nước.

²⁸ Hiện nay, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đặc biệt trên các thiết bị di động; 98,5% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 88% hồ sơ công việc tại cấp huyện; 77% hồ sơ công việc tại cấp xã; hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 99,6% hộ gia đình; 100% đơn vị hành chính cấp xã; 100% diện tích được phủ cáp dịch vụ mạng di động 4G/5G và tỷ lệ điện thoại di động thông minh chiếm 81,9%. Công tác xây dựng đô thị theo hướng thông minh được quan tâm, thành phố Bắc Giang đã ban hành Kiến trúc ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0; Hoàn thành trung tâm điều hành ĐTTM giai đoạn 1 từ tháng 6/2023, hiện đang duy trì hoạt động tốt; UBND thị xã Việt Yên đã ban hành Kiến trúc tham chiếu ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0; định hướng Xây dựng 01 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thị xã Việt Yên năm 2025.

²⁹ Đến nay, trên địa bàn tỉnh không có tội phạm hoạt động theo kiểu băng, nhóm.

3.5. Công tác đối ngoại được tăng cường, xác định là động lực, nguồn lực thúc đẩy sự phát triển. Tỉnh thường xuyên quan tâm đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương, đối tác trong và ngoài nước³⁰, các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Chủ động tổ chức trao đổi thông tin, thiết lập quan hệ hợp tác với một số tổ chức, địa phương của nước ngoài. Tăng cường xây dựng mối quan hệ gắn bó, phối hợp với các tỉnh, thành phố lân cận³¹ và với các bộ, ngành Trung ương. Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tới các nhà đầu tư ở trong nước và nước ngoài về hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm huy động các nguồn lực phục vụ sự phát triển của tỉnh.

4. Công tác xây dựng chính quyền

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành và chỉ đạo thực hiện hiệu quả nghị quyết, chỉ thị về sắp xếp lại đơn vị hành chính và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Chỉ đạo, thực hiện tốt công tác xây dựng và chuẩn bị các bước, quy trình nâng cấp đô thị theo quy định để thành lập thị xã Việt Yên; nhập huyện Yên Dũng vào thành phố Bắc Giang; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn, Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới). Sắp xếp 34 đơn vị hành chính cấp xã để thành lập 17 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 17 đơn vị hành chính cấp xã); thành lập 04 thị trấn; thành lập 27 phường. Tập trung cao, quyết tâm, quyết liệt hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm tinh - gọn - mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp với nhiều cách làm sáng tạo. Chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND các cấp theo hướng tăng cường tổ chức các kỳ họp chuyên đề để kịp thời giải quyết các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; việc xây dựng và ban hành các nghị quyết được thực hiện chặt chẽ, khoa học, đúng đường lối, chính sách và phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tổ chức "Kỳ họp HĐND không giấy". Đổi mới,

nâng cao chất lượng công tác giám sát của HĐND, đặc biệt là giám sát chuyên đề và giám sát thông qua tổ chức các phiên chất vấn, giải trình, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vấn đề thời sự, được cử tri và Nhân dân quan tâm. Quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền trước, trong và sau các kỳ họp HĐND, tổ chức họp báo trước các kỳ họp thường lệ, kịp thời cung cấp đầy đủ, chính xác các hoạt động của kỳ họp để tuyên truyền đến cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát. Công tác bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đại biểu HĐND các cấp có nhiều hình thức, cách thức đổi mới, chất lượng đại biểu được nâng lên.

Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành của UBND các cấp và công tác quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Công tác điều hành của chính quyền các cấp ngày càng quyết liệt, cụ thể, thiết thực, hiệu quả, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu. ...% xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh triển khai mô hình "Chính quyền thân thiện". Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm cán bộ vi phạm, tạo chuyển biến về ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Bắc Giang gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, phục vụ Nhân dân; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh từ năm 2021 đến nay luôn duy trì nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (năm 2021 xếp thứ 07/63; năm 2022, 2023 xếp thứ 04/63; năm 2024 xếp thứ.../63). Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành gắn với xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số (Bắc Giang luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số đánh giá chuyển đổi số). Tập trung đầu tư xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ mới.

5. Hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương

Tỉnh ủy và các cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo

nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo đồng thuận xã hội thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đồng bào có đạo. Tăng cường các biện pháp tập hợp, quan tâm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, xây dựng đời sống văn hóa. Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch nhằm phát huy vai trò nòng cốt của từng tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nổi bật như:

Mặt trận Tổ quốc các cấp đã triển khai thực hiện hiệu quả việc phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện tốt công tác hiệp thương, lựa chọn, giới thiệu người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Tổ chức các hoạt động an sinh xã hội; vận động ủng hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ người dân bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh³². **Các cấp công đoàn** triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc củng cố, xây dựng, phát triển tổ chức công đoàn và phong trào công nhân ở các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước trong giai đoạn hiện nay; Đề án *Nhà trọ công nhân văn minh, an toàn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh*. Tích cực tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. **Hội nông dân các**

cấp tổ chức thực hiện Đề án *Hội nông dân các cấp là nòng cốt trong tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, xây dựng và nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP*. Đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững. **Các cấp hội phụ nữ** tập trung thực hiện Đề án *Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định*, góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, thực hiện bình đẳng giới. Vận động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. **Hội cựu chiến binh các cấp** triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án *Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội viên Hội Cựu chiến binh tỉnh Bắc Giang trong hoạt động tự quản bảo đảm an ninh, trật tự từ cơ sở*³³. Thực hiện tốt công tác vận động cựu chiến binh gìn giữ, phát huy bản chất "Bộ đội Cụ Hồ"; đẩy mạnh phong trào "Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi". **Các cấp bộ Đoàn** triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đoàn và đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách và các đề án³⁴. Có nhiều đổi mới trong công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, thanh thiếu niên gắn với các phong trào thi đua, tình nguyện của tuổi trẻ; đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động của Đoàn. Đa dạng các hình thức tập hợp, đoàn kết thanh niên; quan tâm thành lập tổ chức đoàn, hội liên hiệp thanh niên tại các KCN.

Các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương luôn hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, tôn chỉ, mục đích của các hội; có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, đóng góp tích cực vào việc xây dựng, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội; đẩy mạnh phong trào khuyến học, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần phong phú ở cơ sở, tiêu biểu như: Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh, Hội Người cao tuổi, Hội Chũ thập đỏ, Hội Khuyến học,... đã tổ chức được nhiều hoạt động, phong trào ý nghĩa, thiết thực.

6. Công tác xây dựng Đảng

6.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và công tác

³⁰ Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã ký thỏa thuận hợp tác với 03 địa phương nước ngoài: Tỉnh Xay Sôm Bun (Lào), Chính quyền nhân dân thành phố Nam Ninh, khu vực tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); Chính quyền tỉnh Chungcheongnam (Hàn Quốc). Đồng thời, ký kết Bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với nhiều tập đoàn lớn, thương hiệu quốc tế.

³¹ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ động tổ chức hội nghị ký kết hợp tác phát triển, đánh giá kết quả hợp tác giữa tỉnh với 05 tỉnh giáp ranh (Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hải Dương).

³² Kêu gọi, vận động, tiếp nhận ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19 được gần 700 tỷ đồng; phối hợp vận động ủng hộ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam phòng, chống dịch gồm hàng hóa, nhu yếu phẩm thiết yếu trị giá trên 9,3 tỷ đồng. Vận động ủng hộ Nhân dân bị thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra được trên 195,3 tỷ đồng và tổng giá trị hàng hóa tiếp nhận quy ra tiền trên 19 tỷ đồng.

³³ Được Bộ Công an đánh giá cao, triển khai đến các tỉnh, thành phố trong cả nước tham khảo áp dụng. Đến nay, toàn tỉnh có 209/209 hội cựu chiến binh xã, phường, thị trấn với 2.137 tổ tự quản về an ninh, trật tự được xây dựng và đi vào hoạt động.

³⁴ Đề án "Nâng cao năng lực số cho thanh niên, thiếu niên; phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ Đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025" và Đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống lịch sử, đạo đức, lối sống văn hóa, ý thức tuân thủ pháp luật cho thanh, thiếu nhi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2027 và những năm tiếp theo".

dân vận của Đảng được quan tâm, đạt kết quả tích cực. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành gần 20 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, trong đó, lần đầu tiên Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về nâng cao chất lượng công tác tuyên giáo của Đảng bộ tỉnh và đã triển khai, tổ chức thực hiện đạt kết quả tích cực, góp phần đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tuyên giáo. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, các nghị quyết, văn bản lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy ban hành. Việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới, linh hoạt, phù hợp với các đối tượng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng.

Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, định hướng công tác thông tin, hoạt động báo chí, xuất bản bảo đảm thường xuyên, nền nếp, phát huy tốt vai trò của báo chí trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Công tác tuyên truyền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm, chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Chỉ đạo tăng cường điều tra, nắm tình hình, định hướng thông tin, dư luận xã hội, kịp thời phát hiện những vấn đề nổi cộm, bức xúc để giải quyết, tạo sự đồng thuận xã hội. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được tăng cường; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm; tăng cường tuyên truyền gương “người tốt, việc tốt”, “phủ xanh” thông tin tích cực.

Tiếp tục quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng trong

đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chú trọng tổ chức tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh trên các lĩnh vực; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức hội thảo, nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng, hiệu quả các sáng kiến, kinh nghiệm trong lao động, học tập, công tác... từ đó giúp cấp ủy đánh giá, tổng kết nhiều vấn đề thực tiễn đang đặt ra và dự báo xu hướng phát triển³⁵; qua đó đúc rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tiếp theo.

Công tác dân vận tiếp tục được quan tâm và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhiều mô hình dân vận phát huy hiệu quả tốt³⁶; quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy, các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm thực hiện, khối đại đoàn kết của Nhân dân được tăng cường. Việc thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” ngày càng thực chất, hiệu quả hơn. Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ³⁷. Việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, các đồng chí cấp ủy viên với Nhân dân được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên bằng các hình thức linh hoạt, đa dạng với phương châm “Mọi bức xúc, nổi cộm phải được lắng nghe, nắm bắt kịp thời và được giải quyết triệt để” tạo niềm tin cho Nhân dân³⁸.

6.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng Tỉnh ủy và các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ

đạo thực hiện tốt các mặt công tác tổ chức xây dựng Đảng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội ở 100% chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở nhiệm kỳ 2022-2025 và nhiệm kỳ 2025-2027; đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 trong Đảng bộ tỉnh bảo đảm theo đúng kế hoạch. Chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại các mô hình tổ chức đảng để bảo đảm hoạt động hiệu quả³⁹; thực hiện chuyển giao tổ chức đảng theo Quy định số 60-QĐ/TW ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước⁴⁰. Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc sắp xếp các tổ chức đảng gắn với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Bắc Giang mới được sắp xếp giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024⁴¹. Quyết liệt, khẩn trương, kịp thời sắp xếp, sáp nhập các cơ quan chuyên môn thuộc khối chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện; sáp nhập một số ban đảng cấp tỉnh; kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối cấp tỉnh; thành lập mới các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy⁴²; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ theo quy định, định hướng của Trung ương và phù hợp với tình chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; bộ máy bên trong của các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh kịp thời được điều chỉnh phù hợp với quy định và tình hình thực tế. Công tác quản lý, sử dụng biên chế theo vị trí việc làm được thực hiện chặt chẽ, có sự tập trung, thống nhất, phân cấp,

phân quyền rõ ràng, gắn trách nhiệm quản lý của các cấp, các ngành. Việc tinh giản biên chế được thực hiện nghiêm theo quy định⁴³.

Công tác phát triển đảng viên gắn với nâng cao chất lượng đảng viên kết nạp được chú trọng; tập trung phát triển đảng trong đội ngũ trường, phó thôn, tổ dân phố, trong khu vực doanh nghiệp, học sinh, sinh viên và ở những tổ chức đảng nhiều năm liền không kết nạp được đảng viên⁴⁴. Thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng tỷ lệ trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên, đến nay toàn tỉnh đạt 94,7% (tăng 16,8% so với năm 2020), vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội (đến năm 2025 đạt 90%). Đồng thời, thực hiện nghiêm túc việc sàng lọc, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư (giai đoạn từ 2021-2024, toàn tỉnh đã rà soát, sàng lọc đưa 447 người không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng). Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, dân chủ, khách quan và thực chất hơn⁴⁵.

Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được đặc biệt quan tâm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các nghị quyết, quy định, quy chế, kết luận... để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh bảo đảm cơ cấu, số lượng và chất lượng; đồng thời, có nhiều cách làm mới, hiệu quả⁴⁶. Công tác kiểm điểm, đánh giá cán bộ được thực hiện nghiêm túc, nền nếp, thực chất hơn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành, đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; kết quả xếp loại cán bộ ngày càng thực chất⁴⁷. Chỉ đạo các

³⁵ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức nghiên cứu, tổng kết thực tiễn 06 lĩnh vực trọng tâm, gồm: (1) Tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay; (2) tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng học tập chính trị, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chống biểu hiện suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay; (3) tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng (công nghiệp, đô thị, giao thông...) trên địa bàn tỉnh từ năm 2010 đến nay; (4) tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến nay; (5) tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến nay; (6) tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện xây dựng văn hóa, con người Bắc Giang từ năm 2010 đến nay.

³⁶ 100% xã, phường, thị trấn triển khai xây dựng “Chính quyền thân thiện” với mục tiêu đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc của chính quyền cơ sở, xây dựng nền hành chính thân thiện, phục vụ, hiện đại và hiệu quả; chỉ đạo thành lập Tổ Covid cộng đồng (toàn tỉnh thành lập 10.753 Tổ, với 37.833 thành viên) được xác định là một giải pháp linh hoạt, phù hợp thực tiễn, huy động sức mạnh Nhân dân tham gia phòng, chống dịch Covid-19, là điểm sáng được Trung ương ghi nhận, đánh giá cao và nhân rộng ra trên cả nước; triển khai hiệu quả Đề án thành lập và hoạt động của Tổ Dân vận cộng đồng (toàn tỉnh thành lập 2.128 Tổ Dân vận cộng đồng/2128 thôn, tổ dân phố, với 27.044 thành viên) qua đó đã phát huy vai trò của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

³⁷ Đến nay, toàn tỉnh có 5.078 mô hình dân vận khéo được đăng ký, trong đó 1.599 mô hình trong lĩnh vực phát triển kinh tế, 1.644 mô hình trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, 1.229 mô hình trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, 606 mô hình trong lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

³⁸ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các đồng chí Tỉnh ủy viên đã tổ chức được 3.455 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, đã thu hút trên 193.500 lượt người tham dự với gần 38.380 lượt ý kiến, kiến nghị trên các lĩnh vực.

³⁹ Đã giải thể chi bộ công an - quân sự cấp xã và thành lập 209/209 chi bộ công an xã ở nơi bố trí công an chính quy; thành lập 10/10 chi bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc cấp ủy cấp huyện; thành lập 209/209 chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 1.075/4.477 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở và 64/237 chi bộ cơ sở thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”; 99/348 đảng bộ cơ sở thực hiện mô hình “đảng bộ cơ sở bốn tốt”.

⁴⁰ Đã thực hiện chuyển giao Đảng bộ Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc về thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp Trung ương, chuyển các tổ chức đảng trong các ngân hàng thương mại nhà nước về thuộc tổ chức đảng ngành đặc của Trung ương. Sau khi chuyển giao, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang giảm 01 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; giảm 35 tổ chức cơ sở đảng, 40 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và 1.274 đảng viên.

⁴¹ Đã sắp xếp, sáp nhập 32 xã, phường, thị trấn để thành lập 15 đơn vị hành chính cấp xã mới (giảm 17 đơn vị). Sáp nhập Đảng bộ huyện Yên Dũng vào Đảng bộ thành phố Bắc Giang; sáp nhập Đảng bộ huyện Lục Ngạn, thành lập Đảng bộ thị xã Chu.

⁴² Hợp nhất Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Dân vận Tỉnh ủy; kết thúc hoạt động của Đảng bộ Các cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh; thành lập Đảng bộ Các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴³ Đến nay, tỷ lệ tinh giản biên chế công chức, viên chức toàn tỉnh Bắc Giang hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2016 - 2021, toàn tỉnh giảm được 4.207 biên chế, bằng 10,5% so với biên chế tại thời điểm năm 2015. Từ năm 2021 đến tháng 6/2023, số biên chế hành chính nhà nước giảm được 111 chỉ tiêu, tỷ lệ giảm đạt 1,7%; số biên chế sự nghiệp nhà nước giảm được 1.071 chỉ tiêu, tỷ lệ giảm đạt 3,3%.

⁴⁴ Kết quả từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh kết nạp được 9.641 đảng viên mới (trong đó có: 971 công nhân, lao động; 486 học sinh; 78 sinh viên; 42 chủ doanh nghiệp tư nhân), nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh lên 92.133 đồng chí.

⁴⁵ Từ năm 2021 đến nay, 100% đảng bộ huyện và binh quân có 96,7% tập thể ban thường vụ cấp ủy huyện xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tỷ lệ đảng viên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm không quá 20% theo quy định, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng và đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đều đạt trên 90% (vượt chỉ tiêu Đại hội để ra, phần đầu hàng năm đạt từ 84% trở lên).

⁴⁶ Trong công tác bổ nhiệm cán bộ, trước khi bổ nhiệm thực hiện đánh giá trong 03 năm gần nhất, cán bộ phải có thành tích thể hiện bằng kết quả, sản phẩm cụ thể (do cá nhân được giao chủ trì, chịu trách nhiệm tham mưu chính, hoặc có ý tưởng, sáng kiến cải tiến, có phương pháp, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả được cấp có thẩm quyền công nhận); đồng thời, tổ chức lấy ý kiến đối các sở, ngành liên quan và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp dưới về phẩm chất đạo đức, năng lực, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, về biểu hiện tiêu cực, những nhiễu, gây khó khăn cho cơ quan, đơn vị, địa phương... đối với cán bộ dự kiến bổ nhiệm.

⁴⁷ Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2021 đến năm 2024: Tổng số 19.493 lượt (trong đó: cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở cấp tỉnh: 945 lượt; cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở cấp huyện: 550 lượt; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp cơ sở: 17.998 lượt), cụ thể: Hoàn thành xuất sắc 3.473/19.493 đ/c (bằng 17,8%); Hoàn thành tốt 15.525/19.493 đ/c (bằng 79,6%); Hoàn thành nhiệm vụ 356/19.493 đ/c (bằng 1,8%); Không hoàn thành nhiệm vụ 139/19.493 đ/c (bằng 0,8%).

cấp ủy, cơ quan, đơn vị xây dựng quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031; định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch bảo đảm cơ cấu, tiêu chuẩn, chất lượng theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương (Bắc Giang là một trong những địa phương thực hiện sớm nhất cả nước) và thực hiện việc rà soát, bổ sung định kỳ hằng năm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm; đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với 44.135 lượt cán bộ theo phân cấp bảo đảm theo yêu cầu. Công tác cán bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, quy định⁴⁸.

Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc, theo đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch và tiến hành rà soát, thẩm định và hoàn thành việc kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với 679 cán bộ đương chức và quy hoạch (210 cán bộ đương chức và 469 cán bộ quy hoạch) diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

6.3. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được duy trì nền nếp; đồng thời, tích cực đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tổ chức thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ kiểm tra, giám sát góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh và các địa phương, đơn vị⁴⁹. Các cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hằng năm bảo đảm phương châm “giám sát phải mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Quan tâm phối hợp đồng bộ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước, giám sát của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Trong nhiệm kỳ, các cấp ủy, tổ chức đảng

trong Đảng bộ tỉnh đã kiểm tra 3.773 lượt tổ chức đảng, 40.824 lượt đảng viên, giám sát chuyên đề 2.662 tổ chức đảng, 21.010 đảng viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 742 tổ chức đảng và 1.855 đảng viên; ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 3.972 lượt tổ chức đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm tra 3.705 lượt tổ chức đảng về thi hành kỷ luật trong Đảng; giám sát chuyên đề đối với 1.602 tổ chức đảng và 2.614 đảng viên. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện kịp thời, nghiêm minh, đồng bộ giữa kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và đoàn thể; trong nhiệm kỳ, đã thi hành kỷ luật 33 tổ chức đảng, 2.057 đảng viên. Giải quyết kịp thời các tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng theo quy định⁵⁰.

Cùng với việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh; Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tích cực phối hợp và chỉ đạo phối hợp với các Đoàn Kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đẩy nhanh tiến độ các cuộc kiểm tra; đồng thời, chủ động, kịp thời khắc phục những vi phạm, khuyết điểm được chỉ ra qua các cuộc kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương⁵¹.

6.4. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có những chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả. Tỉnh ủy và các cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đặc biệt, từ khi Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh được thành lập (tháng 6/2022), công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, tạo sự lan toả, hiệu ứng tích cực trên địa bàn⁵².

Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện hiệu quả. Hệ thống các văn

bản quản lý, các cơ chế, chính sách dần được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ hơn. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao hơn. Các lĩnh vực quản lý, điều hành ngân sách, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm và đào tạo cán bộ, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công, thực hiện chính sách xã hội... được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch hơn. Các cơ quan chức năng đã tích cực phối hợp trong phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, được đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, ủng hộ, có tác dụng cảnh tỉnh, phòng ngừa, tạo hiệu ứng lan toả cao trong xã hội. Việc thu hồi tài sản tham nhũng được quan tâm triển khai thực hiện, đạt kết quả tích cực. Trong nhiệm kỳ, đã tiến hành 636 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực; qua thanh tra đã phát hiện sai phạm với tổng số tiền 238.501 triệu đồng và 695.479m² đất các loại, đã chỉ đạo thu hồi về ngân sách nhà nước và xử lý nghiêm các sai phạm; chuyển cơ quan điều tra 12 vụ việc sai phạm, với 40 đối tượng. Đã khởi tố, điều tra 111 vụ án tham nhũng, kinh tế với 288 bị can; truy tố, chuyển tòa án nhân dân các cấp 97 vụ với 255 bị can; xét xử 99 vụ với 252 bị cáo.

6.5. Phương pháp công tác, lề lối làm việc của cấp ủy, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh được đặc biệt quan tâm đổi mới để tăng cường vai trò hạt nhân lãnh đạo và truyền cảm hứng, sự nêu gương, quyết tâm, quyết liệt, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên mạnh mẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, tạo chuyển biến đồng bộ, rõ nét trên tất cả các lĩnh vực. Tỉnh ủy và các cấp ủy đã kịp thời xây dựng, sửa đổi, bổ sung và duy trì thực hiện quy chế làm việc, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, gắn với xây dựng chương trình công tác hằng

năm của cấp ủy theo hướng trọng tâm, trọng điểm. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đã đề cao vai trò trách nhiệm của cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đảng ký và phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm hằng năm của các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, cấp ủy cấp huyện; chỉ đạo phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm của người đứng đầu các cấp, các ngành và thường xuyên kiểm điểm tiến độ thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm gắn với đánh giá, xếp loại tổ chức và người đứng đầu. Đặc biệt, đã ban hành và chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, với phương châm chỉ đạo và yêu cầu “3 dám” đối với cán bộ, đảng viên, “03 hơn” đối với người đứng đầu và “05 rõ” đối với các cơ quan, đơn vị, qua đó tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên.

Thường trực Tỉnh ủy duy trì và thực hiện nghiêm chế độ giao ban Thường trực Tỉnh ủy, giao ban với các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, với các cơ quan khối nội chính tỉnh và với bí thư, chủ tịch UBND cấp huyện; thường xuyên tổ chức làm việc với các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và một số cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp để nắm tình hình và thống nhất chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Các đồng chí cấp ủy viên đã dành thời gian đi cơ sở kiểm tra công việc, nắm tình hình, tiếp xúc với Nhân dân, kịp thời phát hiện, đôn đốc những việc chậm giải quyết, đồng thời lựa chọn một số vấn đề nổi lên của địa phương để đề xuất chủ trương lãnh đạo, chỉ

⁴⁸ Từ năm 2021 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, luân chuyển đối với 233 lượt cán bộ; trong đó: Bổ nhiệm 44, bổ nhiệm lại 57, giới thiệu ứng cử 76, điều động 37, luân chuyển 19; hiệp ý với các cơ quan ngành dọc Trung ương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý bảo đảm dân chủ, khách quan, góp phần tạo sự ổn định và phát triển trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh

⁴⁹ Tỉnh ủy lần đầu tiên ban hành Nghị quyết về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ tỉnh; đổi mới ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, kế hoạch lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hằng năm; ban hành đầy đủ, kịp thời, đồng bộ hệ thống văn bản lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo hướng cụ thể, dễ thực hiện, cụ thể hóa việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm tra, giám sát.

⁵⁰ UBKT các cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật 04 đảng viên; UBKT các cấp đã giải quyết xong tố cáo đối với 03 tổ chức đảng và 114 đảng viên

⁵¹ (1) Ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện hoàn thành toàn diện nội dung Thông báo số 432-TB/UBKTTW ngày 28/02/2023 của UBKT Trung ương về kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban cán sự đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; trong đó, đã hoàn thành việc xem xét, thi hành kỷ luật đối với 01 tổ chức đảng, 08 cá nhân; kiểm điểm, xem xét trách nhiệm đối với 09 tổ chức, 62 cá nhân; kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 07 tổ chức, 30 cá nhân và các thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh theo thẩm quyền (hoàn thành việc kiểm điểm sớm hơn 02 tháng so với yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

(2) Ban hành Kế hoạch khắc phục những vi phạm, khuyết điểm và triển khai thực hiện có bản hoàn thành nội dung Thông báo số 694-TB/UBKTTW ngày 26/6/2024 của UBKT Trung ương về kết luận kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của BTV Tỉnh ủy và UBKT Tỉnh ủy; kiểm tra tài chính đảng đối với BTV Tỉnh ủy; kiểm tra việc kê khai tài sản, thu nhập của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy; trong đó, hoàn thành cuộc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh; đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng, Chánh án; đồng chí Ủy viên Ban cán sự đảng, Phó Chánh án TAND tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, thực hiện Quy chế làm việc; giải quyết một số vụ án hình sự, đã tiến hành kiểm điểm, xem xét trách nhiệm đồng chí Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban cán sự đảng, Chánh án TAND tỉnh; thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách 03 đảng viên; yêu cầu kiểm điểm, rút kinh nghiệm 20 đảng viên có vi phạm, khuyết điểm.

(3) Chủ động phối hợp, thực hiện quy trình kiểm điểm, xem xét đề nghị thi hành kỷ luật theo Kế hoạch số 181-KH/UBKTTW ngày 19/8/2024 của UBKT Trung ương về thực hiện quy trình kiểm điểm, xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật đối với 13 lượt tổ chức đảng, 30 đảng viên cùng quy trình kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; thực hiện Thông báo số 737-TB/UBKTTW ngày 05/9/2024 của UBKT Trung ương kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quyết định thi hành kỷ luật 07 tổ chức đảng, 12 đảng viên; ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm điểm, xem xét trách nhiệm đối với 05 tổ chức đảng, 09 đảng viên; kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 02 tổ chức đảng; chỉ đạo UBKT Tỉnh ủy tiến hành kiểm điểm, xem xét trách nhiệm 12 lượt tổ chức đảng, 17 đảng viên thuộc Đảng bộ các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng trong tham mưu, thực hiện nhiệm vụ để xảy ra vi phạm, khuyết điểm.

⁵² Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo tỉnh đã tổ chức 10 phiên họp; 17 cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh; ban hành 10 Thông báo kết luận phiên họp và 17 thông báo kết luận Cuộc họp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh; quyết định đưa 13 vụ án và 01 vụ việc vào diện Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo; 11 vụ án, 04 vụ việc vào diện Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc (đã giải quyết xong 13 vụ án, 02 vụ việc); hiện nay đang tập trung chỉ đạo giải quyết 09 vụ án và 03 vụ việc (diện BCĐ tỉnh theo dõi, chỉ đạo 04 vụ án; diện Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc 05 vụ án và 03 vụ việc); số cán bộ, đảng viên bị khởi tố 94.

đạo. Thường xuyên quan tâm sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định và các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy bảo đảm phù hợp với thực tế. Thực hiện phân cấp, phân quyền cho cấp dưới gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

7. Kết quả thực hiện 04 nhiệm vụ trọng tâm mang tính giải pháp đột phá

7.1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong đó, hạt nhân của hạt nhân là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp

Xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, Tỉnh ủy và các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp để tập trung xây dựng Đảng bộ tỉnh thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức. Đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới nhằm nâng cao trình độ nhận thức lý luận của đội ngũ cán bộ, đảng viên... Các cấp ủy đảng luôn xác định và kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng và thường xuyên nghiên cứu, bổ sung, vận dụng, phát triển sáng tạo trong thực tế. Tăng cường công tác tổ chức sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng bộ tỉnh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy định về những điều đảng viên không được làm, các quy định về chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, các quy định về kiểm soát quyền lực trên các lĩnh vực. Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; định hướng tuyên truyền tạo thông tin tích cực; kịp thời tổ chức đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thường xuyên quan tâm và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó, đã chỉ đạo ban hành kịp thời, đầy đủ các văn

bản lãnh đạo, chỉ đạo; thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại các mô hình tổ chức đảng, sắp xếp các tổ chức đảng gắn với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm hoạt động hiệu quả. Công tác phát triển đảng viên gắn với nâng cao chất lượng đảng viên kết nạp được chú trọng; tập trung phát triển đảng trong đội ngũ trường, phó thôn, tổ dân phố, trong khu vực doanh nghiệp, học sinh, sinh viên; thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng tỷ lệ trường thôn, tổ trường tổ dân phố là đảng viên, đến nay toàn tỉnh đạt 94,7% (tăng 16,8% so với năm 2020), vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội (đến năm 2025 đạt 90%).

Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được đặc biệt quan tâm; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các nghị quyết, quy định, quy chế, kết luận⁵³... để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác cán bộ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh bảo đảm cơ cấu, số lượng và chất lượng; đồng thời, có nhiều cách làm mới, hiệu quả. Luôn quan tâm công tác cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số; chú trọng việc phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng người tài, người có phẩm chất và năng lực thực sự; khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; kịp thời miễn nhiệm, thay thế những cán bộ bị kỷ luật, phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút và kịp thời kiện toàn các chức danh cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi khuyết thiếu⁵⁴.

7.2. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với thể chế kinh tế thị trường và tình hình thực tế của địa phương để tập trung xây dựng môi trường kinh tế, môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế dựa trên nguyên tắc bình đẳng và minh bạch

Công tác xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu, được thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, HĐND tỉnh đã ban hành 218 nghị quyết quan trọng, UBND tỉnh ban hành... quyết định quy phạm pháp luật thể chế hóa chỉ đạo và thực hiện chính sách mới của Trung ương, chính sách đặc thù của tỉnh, các vấn đề phát sinh trong điều

hành của chính quyền. Các nghị quyết, cơ chế chính sách đã tạo động lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật, tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁵⁵. Đến nay, cơ bản các chính sách của tỉnh được ban hành đều “trúng” và “đúng” với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới; đó đều là những quyết sách xuất phát từ yêu cầu thực tiễn địa phương và hướng đến mục tiêu cao nhất là tạo ra chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Chính vì vậy, đã khơi dậy nội lực trong Nhân dân, phát huy tiềm năng, lợi thế, góp phần phát triển chung của tỉnh. Việc ban hành kịp thời và triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh đã đóng góp quan trọng vào kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, đưa tỉnh Bắc Giang trở thành điểm sáng về phát triển kinh tế - xã hội; hình ảnh, vị thế của tỉnh Bắc Giang ngày càng được khẳng định.

Cùng với việc ban hành và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm đến việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, huy động sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị. Qua đó, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh từng bước được cải thiện tốt hơn; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) các năm gần đây luôn duy trì trong nhóm tốt, trong đó: Năm 2022 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Bắc Giang xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố, năm 2023 xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố, năm 2024 xếp thứ.../63 tỉnh, thành phố.

Với những cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả, tỉnh Bắc Giang đã và đang là địa điểm hấp dẫn thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế của tỉnh. Thu hút đầu tư của tỉnh Bắc

Giang duy trì trong nhóm các tỉnh, thành phố có kết quả thu hút đầu tư đứng đầu cả nước. Các thành phần kinh tế được quan tâm tạo điều kiện phát triển. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tăng so với giai đoạn 2016-2020. Kinh tế tập thể từng bước đổi mới về mô hình và phương thức hoạt động; các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh phát triển tăng cả về số lượng và chất lượng. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển mạnh, có đóng góp quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh⁵⁶.

7.3. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng các KCN, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục và y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn xác định phát triển kết cấu hạ tầng là một đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, từ đó đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp và đô thị trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế ở từng giai đoạn; chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tổ chức phổ biến, quán triệt, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, đồng thời cụ thể hóa, quyết liệt triển khai thực hiện, có nhiều cách làm hay, sáng tạo và đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, trực kết nối (kết nối giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh Bắc Giang với các tỉnh lân cận) được tập trung đầu tư xây dựng đi trước một bước, mở ra không gian phát triển mới.

Kết cấu hạ tầng công nghiệp được đầu tư, mở rộng, góp phần đưa công nghiệp trở thành động lực phát triển của tỉnh. Tỉnh đã quy hoạch mới 20 KCN, 24 CCN; đã thành lập mới...KCN,CCN; đồng thời, chỉ đạo lập quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết xây dựng khu, cụm công nghiệp bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ,... để phục vụ hiệu quả phát triển công nghiệp. Quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào KCN như: Điện, cấp thoát nước, giao thông, các khu đô thị, khu dân cư, dịch vụ phục vụ công nhân,... đáp ứng yêu cầu của các doanh

⁵³ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành: (1) Nghị quyết số 173-NQ/TU ngày 04/10/2021 về xây dựng đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2021- 2025; (2) Kết luận số 128-KL/TU ngày 04/10/2021 một số nội dung về công tác cán bộ và tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; (3) Đề án số 15-ĐA/TU ngày 06/01/2023 về xây dựng cán bộ nữ, cán bộ trẻ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2023-2030; kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ; quy định về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử...

⁵⁴ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giới thiệu nhân sự, phối hợp tham mưu kiện toàn các vị trí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, kiện toàn ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; kịp thời kiện toàn các chức danh cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi khuyết thiếu; từ năm 2021 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, luân chuyển đối với 233 lượt cán bộ.

⁵⁵ Như: ban hành nghị quyết thông qua các danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp; chủ trương đầu tư các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp... nhằm đáp ứng nhu cầu cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông, tạo tiền đề thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương...

⁵⁶ Từ đầu năm 2021 đến nay, toàn tỉnh thu hút được tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, trong đó thu hút đầu tư FDI luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước; toàn tỉnh hiện có 1.188 hợp tác xã; có 7.070 doanh nghiệp được thành lập, tăng 16%; tổng vốn đăng ký đạt 101.512 tỷ đồng, tăng 57% so với giai đoạn 2016-2020.

ngành, người lao động đang làm việc trong KCN và định hướng mở rộng, phát triển KCN trong thời gian tới.

Tỉnh ủy tập trung, quyết liệt chỉ đạo đẩy mạnh phát triển đô thị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng, phát triển thành phố Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, phát triển huyện Việt Yên trở thành thị xã vào năm 2025; ban hành nhiều cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển đô thị. Kết cấu hạ tầng du lịch, thương mại được đầu tư, hoàn thiện; đã đầu tư nâng cấp mở rộng một số chợ, trung tâm thương mại, siêu thị lớn, sân golf. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện, hiện đại phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu, từ đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu cho phát triển, sản xuất.

Hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư. Hệ thống trường lớp được đầu tư theo hướng chuẩn hóa; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 97,9% (tăng 6,6% so năm 2020; cao hơn 12,4% so với cả nước). Hạ tầng văn hóa, thể thao được quan tâm, tỷ lệ các xã có đầy đủ thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, xã đạt 91%. Hệ thống y tế tiếp tục được tăng cường, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phòng, chống dịch bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Công tác phát triển hạ tầng số gắn với chuyển đổi số được chú trọng; hoàn thành triển khai dự án Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành gắn với xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số (*Bắc Giang luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số đánh giá chuyển đổi số*).

Kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội được đầu tư ngày một đồng bộ đã giúp kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân.

7.4. Nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới

Tỉnh ủy đã đánh giá và nhận định đúng tình hình, đã xác định đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những trụ cột, một nhiệm vụ trọng tâm để tạo nên đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và đã đề ra chiến lược đúng đắn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động từng giai đoạn, từng thời kỳ. Các cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó đạt nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp được nâng lên. Các cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp và nhiều chương trình, đề án về phát triển nguồn nhân

lực được rà soát, hoàn thiện và triển khai hiệu quả.

Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ lệ lao động nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - du lịch. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề được củng cố, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, từng bước gắn kết với doanh nghiệp; đào tạo nghề từng bước gắn với cung ứng lao động, giải quyết việc làm. Các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo nghề được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt cao hơn bình quân chung của cả nước; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% (đạt 100% mục tiêu), trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%, vượt 8% mục tiêu. Kết quả của giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã góp phần quan trọng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II- HẠN CHẾ, TỒN TẠI

1. Phát triển kinh tế còn một số hạn chế. Trong các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025, dự kiến không hoàn thành 03 chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội⁵⁷ và 04 chỉ tiêu thành phần của Nghị quyết Đại hội⁵⁸. Kinh tế tăng trưởng cao song chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng cải thiện chậm. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI; cơ bản thiếu quỹ đất sạch để thu hút đầu tư vào các KCN tập trung; có thời điểm thiếu điện phục vụ sản xuất.

Sản xuất nông nghiệp tính bền vững chưa cao, tăng trưởng có xu hướng chậm lại, thiếu ổn định, liên kết với thị trường tiêu thụ chưa chặt chẽ; năng suất lao động trong nông nghiệp còn thấp. Công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch chưa có chuyển biến rõ nét. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao còn gặp khó khăn.

Dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương và chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghiệp, tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế giảm; chưa xây dựng được các sản phẩm du lịch có chất lượng cao để thu hút khách du lịch; thiếu các dịch vụ vui chơi giải trí, hoạt động kinh tế đêm, mua sắm để lưu giữ du khách, tăng mức chi tiêu; chưa thu hút được nhà đầu tư dự án thương mại - dịch vụ quy mô cấp vùng.

Thu ngân sách nhà nước chưa đạt được mục tiêu từng bước tiến tới tự cân đối thu chi thường xuyên của tỉnh. Việc quản lý thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới kết quả còn hạn chế. Nợ đọng xây dựng cơ bản còn ở mức cao, kỷ luật, kỷ cương tài chính có nơi chưa nghiêm.

Việc quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng sau đầu tư còn bất cập, hiệu quả

chưa cao. Kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị phát triển chưa đồng bộ; một số hạ tầng chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội (như hạ tầng logistics, cảng sông, cảng cạn; hạ tầng điện cho sản xuất công nghiệp; hạ tầng dịch vụ, xử lý nước thải, đô thị, khu, cụm công nghiệp). Việc xử lý, sắp xếp cơ sở, nhà, đất, trụ sở công chưa hiệu quả.

Môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tuy đã có nhiều cố gắng và đạt nhiều kết quả tích cực, song có mặt chưa thực sự được cải thiện. Chất lượng thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn của các tập đoàn đa ngành, đa quốc gia; một số dự án triển khai chậm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai các dự án, nhất là các dự án hạ tầng khu, CCN.

Một số địa phương chưa thực sự tập trung cao trong công tác quy hoạch, quản lý đất đai, vẫn còn để xảy ra nhiều trường hợp vi phạm, việc xử lý các vi phạm còn chậm. Việc thực hiện thu gom, xử lý rác thải còn có mặt hạn chế, chưa thực hiện được việc xây dựng Nhà máy xử lý rác thải của thành phố Bắc Giang. Việc quản lý khoáng sản ở một số nơi chưa chặt chẽ, chưa thực hiện đúng các quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản...

Đời sống của một bộ phận Nhân dân, đặc biệt là của đồng bào dân tộc thiểu số, người sinh sống và làm việc ở vùng sâu, vùng xa, một bộ phận công nhân trong khu nhà trọ còn gặp khó khăn; kết cấu hạ tầng một số nơi còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế, đời sống dân sinh; khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa vùng dân tộc và các vùng khác trong tỉnh, giữa các thành phần dân tộc còn cao.

2. Giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội còn một số hạn chế. Việc sắp xếp đội ngũ giáo viên vẫn còn hiện tượng thừa thiếu cục bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục chưa đáp ứng tốt yêu cầu; chất lượng giáo dục còn có khoảng cách, chênh lệch giữa các vùng, miền, loại hình trường.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa đồng đều, chưa trọng tâm vào lĩnh vực công nghệ vật liệu mới.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế ở một số cơ sở y tế chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Nhân lực ngành y chuyển từ khu vực công sang khu vực tư nhân đã xuất hiện và có xu hướng tăng.

Cơ sở văn hóa cơ sở còn chưa được đầu tư đồng bộ; công tác tu bổ, tôn tạo di tích ở một số địa phương còn chưa tuân thủ đầy đủ các quy định. Công tác quản lý, tổ chức lễ hội ở một số địa phương chưa tốt.

Tình hình lao động, việc làm, đời sống của một bộ phận công nhân,

người lao động còn gặp nhiều khó khăn. Còn nhiều doanh nghiệp chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Giai đoạn 2020 - 2024, tỉnh chưa có chính sách đủ mạnh, cụ thể, có tính cạnh tranh nhằm thu hút, hỗ trợ đào tạo và sử dụng lao động chất lượng cao (trừ lĩnh vực y tế). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp so với tiềm năng.

3. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương còn có mặt hạn chế. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ, công tác quản lý điểm cao có giá trị về quốc phòng, an ninh. Tình hình an ninh xã hội, an ninh nông thôn, an ninh mạng còn tiềm ẩn phức tạp; an ninh chính trị nội bộ còn có mặt thách thức. Công tác phòng, ngừa tội phạm, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự còn có thời điểm, lĩnh vực hiệu quả chưa cao. Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân còn có việc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số nơi còn chậm, chất lượng còn hạn chế. Công tác điều tra, truy tố, xét xử trên một số mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Sự phối hợp giữa các cơ quan tố tụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm một số vụ án tham nhũng chưa chặt chẽ, dẫn đến thời gian xử lý kéo dài.

4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, việc thực hiện kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, công tác phát hiện về tham nhũng, tiêu cực thông qua công tác tự kiểm tra, rà soát trong nội bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế. Kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập để phòng ngừa vi phạm, tham nhũng hiệu quả còn thấp. Việc thực hiện quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động ở một số nơi chưa đầy đủ. Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực vẫn xảy ra tạo dư luận xấu trong xã hội. Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án chưa cao. Vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa thực sự rõ nét.

5. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp có mặt còn hạn chế. Chất lượng hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân của một số huyện, xã chưa cao. Hiệu lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền trên một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo, sơ hở. Việc phân cấp, phân quyền giữa các cấp chính quyền chưa hợp lý. Chế độ trách nhiệm công vụ chưa cụ thể. Kỷ luật hành chính ở một số nơi chưa nghiêm. Tinh thần trách nhiệm, kỷ luật công vụ, phong cách làm việc, ý thức phục vụ Nhân dân của

⁵⁷ 03 chỉ tiêu: GRDP bình quân đầu người; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân/năm; huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025.

⁵⁸ 04 chỉ tiêu thành phần: Tuổi thọ của người dân trung bình; tỷ lệ dân số được dùng nước sạch; tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thấp.

6. Một số hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ chưa hiệu quả, chưa thu hút được sự tham gia của đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; công tác giám sát, phản biện trong việc thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế đòi hỏi. Việc phối hợp giữa mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền trong việc nắm tình hình nhân dân và giải quyết một số vụ việc phức tạp ở cơ sở chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. Công tác thu hút, tập hợp và giáo dục đoàn viên, hội viên của một số tổ chức chính trị - xã hội chưa hiệu quả.

7. Công tác xây dựng Đảng có mặt còn hạn chế. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa đầy đủ, chưa toàn diện. Công tác nắm tư tưởng, định hướng dư luận xã hội ở một số nơi chưa kịp thời, chưa tạo sự đồng thuận xã hội. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn thiếu nhanh nhạy, sắc bén. Việc tổ chức nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế chưa thực sự hiệu quả. Công tác tham mưu của hệ thống dân vận ở một số nơi chưa thật sự chủ động, nhất là trong giải quyết những vấn đề phức tạp của địa phương. Công tác nắm tình hình nhân dân, phản ánh, thông tin báo cáo có việc còn chưa kịp thời. Việc thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở có nơi còn hình thức, quyền làm chủ của Nhân dân chưa thực sự được phát huy.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng yếu, nhất là trong lãnh đạo giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh ở địa phương, cơ sở. Việc tự phê bình và phê bình ở nhiều cấp ủy, tổ chức đảng còn hình thức, tính chiến đấu thấp. Công tác quản lý đảng viên ở một số nơi chưa chặt chẽ; chưa đạt mục tiêu kết nạp số lượng đảng viên mới. Trong công tác cán bộ, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, tiêu chí đánh giá chưa cụ thể. Chất lượng quy hoạch cán bộ ở một số địa phương, đơn vị chưa cao, có nơi chưa gắn với các khâu khác trong công tác cán bộ. Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử ở một số nơi chưa bảo đảm tiêu chuẩn, chưa đúng quy trình.

Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy còn hạn chế, chưa bảo đảm toàn diện, chưa tập trung nhiều vào những lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp. Chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát còn hạn chế, chưa kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, xử lý sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm có mặt hiệu quả chưa cao; xử lý vi phạm sau kiểm tra chưa kiên quyết. Công tác kiểm tra tài chính đảng cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp chưa thường xuyên. Công tác giám sát thường

xuyên, giám sát chuyên đề chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Tác phong, lề lối làm việc của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi thiếu quyết tâm, quyết liệt; còn tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, dẫn đến phải thi hành kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự.

III- NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

1.1. Nguyên nhân khách quan:

- Bắc Giang có lợi thế về diện tích, dân số, tài nguyên, nguồn nhân lực để phát triển địa phương; trên cơ sở nền tảng phát triển của những giai đoạn trước, bước vào nhiệm kỳ 2020-2025 là thời điểm, thời cơ hết sức thuận lợi để phát huy tiềm năng.

- Kết quả thực hiện 03 đột phá chiến lược của Trung ương, nhất là việc kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của Trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các địa phương. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sâu sát, thường xuyên của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của Quân khu 1 và các địa phương giáp ranh, trong Vùng và cả nước (*trong những thời điểm khó khăn nhất còn là sự ủng hộ, giúp đỡ của Nhân dân cả nước với tinh thần "cả nước vì Bắc Giang, Bắc Giang vì cả nước"*).

- Sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ từ Trung Quốc và vùng lãnh thổ sang các nước châu Á, khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Các nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Đảng bộ và cả hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tỉnh luôn phát huy cao tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm, khát vọng phát triển, tạo sức mạnh nội sinh để vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Các chủ trương, nghị quyết, cơ chế, chính sách thể hiện được "Ý Đảng - Lòng Dân", tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã phát huy tốt nội lực bên trong, đặc biệt là nguồn lực nhân tố con người, trước hết là vai trò, trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; đồng thời, huy động sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Luôn xác định rõ vị trí, vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân; tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân với cấp ủy, chính quyền.

- Chủ động, tích cực trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Tỉnh ủy và các cấp ủy đã tập trung trí tuệ, xác định và thống nhất những nhiệm vụ quan trọng cần tập trung của cả nhiệm kỳ, từ sớm đã ban hành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, giải pháp, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm để triển khai thực hiện; đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; kịp thời, chủ động phát hiện, có giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt để khơi thông, huy động mạnh mẽ các nguồn lực phát triển.

2. Nguyên nhân những hạn chế, khuyết điểm

2.1. Nguyên nhân khách quan: Bối cảnh quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới có nhiều biến động và tăng trưởng chậm; kinh tế trong nước còn khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống. Cạnh tranh quốc tế, cạnh tranh doanh nghiệp ngày càng quyết liệt. Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước ban hành chưa kịp thời, còn chồng chéo, thiếu tính ổn định. Những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, từ quá trình hội nhập quốc tế ngày càng phức tạp và sự chống phá ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch. Quy mô, tiềm lực nền kinh tế của tỉnh chưa lớn mạnh, nên nguồn lực đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Tư duy, tầm nhìn trong lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn chưa theo kịp với xu thế phát triển và hội nhập của nền kinh tế; công tác nghiên cứu, dự báo chưa tốt; một số chủ trương, chính sách địa phương còn thiếu năng động, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Việc cụ thể hóa triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và cơ chế, chính sách của Trung ương vào thực tế còn thiếu sáng tạo, cụ thể, thiếu tính toàn diện. Công tác chỉ đạo còn chung chung, một số nội dung chỉ đạo còn thiếu quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ, hiệu quả không cao. Tổ chức thực hiện thiếu nhạy bén, năng động, chưa phát huy được sức mạnh của các thành phần kinh tế. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn hạn chế; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức yếu kém; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; nhất là việc một số tổ chức, cá nhân bị điều tra, xử lý, trong đó có người đứng đầu Đảng bộ tỉnh liên quan đến sai phạm trong triển khai thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm năm qua, trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, nhiều khó khăn, thách thức ngoài khả năng dự báo; song, Đảng bộ tỉnh đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực đổi mới, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh, đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, bền vững. Cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội XIX đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Tăng trưởng kinh tế luôn nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, quy mô GRDP vươn lên thứ 12 cả nước và đứng đầu các tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ, vượt mục tiêu đề ra; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt; đời sống của Nhân dân được nâng lên rõ rệt. Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp phù hợp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường. Lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc. Hình ảnh, vị thế của tỉnh tiếp tục được khẳng định,...

Tuy nhiên, vẫn còn 03 chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội chưa hoàn thành. Tăng trưởng kinh tế cao nhưng chưa thực sự bền vững; đời sống của một bộ phận Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn gặp khó khăn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo; vi phạm pháp luật còn xảy ra ở một số nơi. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên một số mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ; một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, năng lực lãnh đạo hạn chế; một số cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, bị xử lý kỷ luật.

V- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, phải luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nắm chắc các quan điểm, chủ trương, định hướng của Trung ương, đồng thời sâu sát thực tế. Thường xuyên quan tâm xây dựng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất, dân chủ thật sự trong Đảng. Phát huy sự đoàn kết toàn dân, toàn diện, huy động sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Luôn xác định rõ vị trí, vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân, ▶

bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; từ đó tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân với cấp ủy, chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc.

Hai là, luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thực hiện nghiêm quy chế hoạt động, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; quan tâm lựa chọn đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ đức và tài, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có bản lĩnh, trí tuệ, gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động sáng tạo và có khát vọng đưa tỉnh ngày càng phát triển. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra toàn diện trên các lĩnh vực, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, sai phạm lớn, vi phạm của cá nhân trở thành vi phạm của tổ chức; kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ban hành đồng bộ, kịp thời, đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trên các lĩnh vực để tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện. Lấy thực tiễn làm thước đo, kịp thời để ra các chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, nút thắt trên các lĩnh vực để khơi thông nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy sự phát triển. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, liên kết, tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ, giúp đỡ tích cực của Trung ương và các địa phương trong và ngoài nước; khơi dậy và phát huy nguồn nội lực bên trong đặc biệt là nguồn lực nhân tố con người của tỉnh, trước hết là vai trò, trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu quyết tâm xây dựng tỉnh Bắc Giang ngày càng giàu mạnh, văn minh.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025-2030

Nhiệm kỳ 2025-2030, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển. Sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ, xu hướng phát triển mới tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Ở trong nước, thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao. Nền kinh tế của nước ta sẽ có bước tăng trưởng nhanh hơn. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện. Môi trường kinh tế của Việt Nam có nhiều thuận lợi. Song quá trình hội nhập quốc tế, cùng với đó là xu hướng phân hóa giàu - nghèo và những vấn đề

an ninh phi truyền thống, vấn đề biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, môi trường,... Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức không nhỏ trong quá trình cạnh tranh toàn cầu, đối mặt với những thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Trong tình, quy mô, tiềm lực kinh tế của tỉnh chưa thật sự mạnh; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa thực sự đồng bộ; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh còn hạn chế; một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... là những thách thức rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

Cùng với xu thế phát triển chung và những thách thức phải đối mặt, tỉnh Bắc Giang tiếp tục phát triển với những lợi thế vốn có về vị trí địa lý, tiềm năng phát triển. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện, nguồn nhân lực dồi dào,... sẽ là những yếu tố tích cực, thuận lợi trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần cùng đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

I- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Tiếp tục phát triển toàn diện các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; trong đó: Phát triển các ngành công nghiệp mới, hiện đại, đưa Bắc Giang trở thành trung tâm sản xuất chất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ... để công nghiệp khẳng định là động lực tăng trưởng chủ yếu. Phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh... để nông nghiệp tiếp tục là nền tảng bảo đảm. Phát triển ngành dịch vụ đồng bộ, hiện đại, có sức cạnh tranh và chất lượng cao, làm điều kiện thúc đẩy. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng: Công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực, giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu cho sự phát triển, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa Bắc Giang phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Phát triển đồng bộ và hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh. Phát triển vì mục tiêu con người, lấy con người làm trung tâm; bảo đảm mọi người dân đều được hưởng thành quả do phát triển kinh tế mang lại.

3. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

các cơ quan trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng đảng viên, đồng thời kiên quyết sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên suy thoái, mất uy tín, mất vai trò lãnh đạo. Bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng trên các mặt của đời sống xã hội. Lãnh đạo xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không trùng chéo, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát (đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045)

Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh - gọn - mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, mối liên kết vùng và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tiếp tục đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, thuộc nhóm tiên tiến, dẫn đầu của cả nước. Đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc... khẳng định vị trí, vai trò là cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế vùng; đồng thời, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu quy mô nền kinh tế (GRDP) nằm trong nhóm **11 tỉnh, thành phố** đứng đầu cả nước; đến năm 2045, là tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững, có quy mô nền kinh tế (GRDP) nằm trong nhóm **10 tỉnh, thành phố** đứng đầu cả nước và đứng đầu Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm đạt 15%.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng: 75,2%. Dịch vụ: 17,1%. Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 6,1%; thuế sản phẩm: 1,6%.

(2) GRDP/người/năm đạt 8.000 USD.

(3) Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn (trừ thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) bình quân hằng năm đạt từ 8-10%, phấn đấu tự cân đối thu, chi thường xuyên của tỉnh.

(4) Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 641.000 tỷ đồng.

(5) Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP đến năm 2030 đạt trên 55%.

(6) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 100%. Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường của trạm y tế xã và phòng khám đa

khoa khu vực) đạt 42,7 giường bệnh. Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt trên 99,7% dân số.

(7) Tỷ lệ hộ nghèo còn%, trong đó, các xã đặc biệt khó khăn còn%.

(8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 40-45%.

(9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 trên 33,2%.

(10) Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 90%. Tỷ lệ làng, bản, khu phố đạt danh hiệu làng, bản, khu phố văn hóa đạt 88%. Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 90%.

(11) Khách du lịch năm 2030 đạt 6,5 triệu lượt.

(12) Duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chuyển đổi số.

(13) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 68,4%, trong đó, tỷ lệ dân số thành thị đạt 41,1%.

(14) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt 92%; tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch đạt 98,5%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 90%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 98,6%, ở nông thôn đạt...%. Tỷ lệ chất thải thu gom được xử lý hợp vệ sinh môi trường 90%.

(15) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 90,9%, trong đó 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 24,6% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(16) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90% trở lên. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90% trở lên.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Phát triển công nghiệp - xây dựng

Duy trì phát triển công nghiệp - xây dựng tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,4%/năm (trong đó, công nghiệp đạt 17,7%/năm, xây dựng đạt 9,8%/năm).

Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, dựa trên đầu tư nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, gắn với chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và tăng cường thu hút đầu tư, hướng tới đầu tư chất lượng cao, thu hút những dự án lớn, có hàm lượng công nghệ cao, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng thu hút đầu tư các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp; phát triển ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số - chuyển đổi xanh trong công nghiệp hướng tới phát triển bền vững với quan điểm "1 không, 2 ít, 3 cao" (không ô nhiễm, sử dụng ít đất, ít lao động, công nghệ cao, suất vốn cao, hiệu quả kinh tế cao) và "5 sẵn sàng" (mặt bằng, nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà

đầu tư, chống dịch hiệu quả) để hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”; phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp; phát triển KCN, CCN và tăng cường liên kết ngành, liên kết vùng cho phát triển công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các KCN, hạ tầng điện phục vụ sản xuất để thu hút đầu tư; đến năm 2030, có... KCN, ... CCN được chấp thuận chủ trương đầu tư; có...KCN, ...CCN được đầu tư hoàn chỉnh. Gắn kết KCN với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; chủ động rà soát, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để hỗ trợ, giải quyết những đề xuất, kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất; xây dựng phương án bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất.

1.2. Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả trên nền tảng phát triển nông nghiệp hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đa giá trị, giảm phát thải, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, duy trì tốc độ tăng trưởng ngành đạt khoảng 1,0%/năm.

Tập trung rà soát, triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thu hút các doanh nghiệp, nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân nông thôn. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, nông nghiệp hữu cơ; phát triển sản phẩm OCOP mới, chất lượng cao. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, các thành phố lớn, các sàn thương mại điện tử, phát huy vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong xây dựng các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp (giao thông, đê điều, thủy lợi nội đồng, công trình nước sạch) đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, bảo đảm phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn và phục vụ nước sạch cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh; trong đó coi trọng đầu tư, hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi, đê điều phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, đô thị, phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê sông.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” để huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát

triển sản xuất, nâng cao đời sống dân cư nông thôn.

1.3. Phát triển dịch vụ

Tập trung khắc phục điểm yếu về dịch vụ; phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng, hiện đại, trọng tâm là dịch vụ và thương mại điện tử, dịch vụ kinh tế ban đêm, dịch vụ thể thao, văn hóa, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và dạy nghề chất lượng cao. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP lĩnh vực dịch vụ đạt 8,4%/năm.

Tiếp tục duy trì và phát triển 04 sản phẩm du lịch chính⁵⁹; tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng 03 khu du lịch có quy mô lớn⁶⁰, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia.

Ưu tiên bố trí diện tích đất thương mại - dịch vụ trong các đồ án quy hoạch xây dựng KCN theo quy định.

Chú trọng phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp như dịch vụ tổng hợp logistics, cảng cạn (ICD), xuất, nhập khẩu, vui chơi, giải trí, thể thao golf...; thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử,... Từng bước đưa Bắc Giang trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi, logistics, thương mại, tài chính, vui chơi giải trí, trung tâm y tế, giáo dục và dạy nghề chất lượng cao của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Tăng cường thu hút nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ vận tải đa phương thức (ga đường sắt, cảng thủy nội địa, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ,...), phát triển hệ thống vận tải công cộng thông minh, giao thông xanh; nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng giao thông, đáp ứng yêu cầu và xu thế phát triển.

Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng đô thị bảo đảm đủ khả năng phục vụ các hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao quy mô cấp vùng và cấp quốc gia. Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa gắn với phát triển đô thị theo mô hình đô thị hoàn chỉnh để phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội với nhà ở. Tập trung phát triển, hình thành các khu đô thị chất lượng cao, hiện đại, đồng bộ tại các đô thị lớn, gần các khu, cụm công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu sống, vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của người dân và đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu thu hút một số dự án khách sạn 5-6 sao.

Tập trung thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng; bảo đảm cung cấp đủ vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

1.4. Thu, chi ngân sách nhà nước

Giữ nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách. Quản lý chặt chẽ, thực hiện hiệu quả thu ngân sách nhà nước; phấn đấu hằng năm thu vượt tối thiểu 5% so với

dự toán giao (trừ tiền sử dụng đất và số kiến thiết), tiến tới tự cân đối thu chi thường xuyên của tỉnh. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, dẫn dắt, kích hoạt và thu hút mọi nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển; triệt để tiết kiệm chi, chống lãng phí và chấp hành nghiêm các tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các nguồn thu. Có chiến lược, chính sách thu hút, tạo nguồn thu bền vững, lâu dài từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đất đai. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực.

1.5. Quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị

Tập trung nghiên cứu, làm tốt công tác điều chỉnh quy hoạch tỉnh để khắc phục những vấn đề tồn tại, bất cập, vướng mắc; khai thác, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của tỉnh, tăng cường liên kết với các địa phương giáp ranh, bảo đảm yêu cầu phát triển trước mắt và dài hạn. Chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, điện, cấp, thoát nước. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng sau đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí. Tập trung trung nguồn lực đầu tư một số dự án giao thông trọng điểm⁶¹, trọng tâm là các tuyến kết nối đối ngoại với các tỉnh, thành phố giáp ranh; đầu tư các tuyến đường tỉnh theo quy hoạch; chỉnh trị đường sông và thu hút phát triển cảng thủy nội địa. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các KCN được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận mở rộng, thành lập mới. Gắn kết KCN với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Mở rộng quỹ đất sạch công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư.

Tập trung huy động mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đưa các đô thị trở thành trung tâm, đầu tàu tăng trưởng của khu vực và vùng lân cận. Đầu tư hoàn thiện, nâng cao tiêu chí phân loại đô thị, phù hợp với Quy hoạch tỉnh đến năm 2030. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, nghiên cứu ban hành các quy định, để ra các giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế đô thị; làm tốt công tác dự báo phát triển, thị trường bất động sản để có định hướng phù hợp, khả thi, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị. Các quy hoạch đô thị phải bảo đảm đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn; chú trọng việc phát triển đô thị gắn với nét đặc trưng riêng của từng vùng; đồng thời, đẩy mạnh phát triển các đô thị nén, thông minh, hiện đại để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng khung để làm cơ sở thực hiện các dự án phát triển

đô thị. Triển khai có hiệu quả phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân.

1.6. Thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Tập trung rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định, cơ chế, chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt hiện nay, nhất là trong cải cách hành chính, đầu tư hạ tầng, giải phóng mặt bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi các chủ trương, chính sách, vừa đáp ứng nhu cầu bức thiết vừa có tầm nhìn dài hạn.

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “đồng hành cùng doanh nghiệp”. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập và mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

1.7. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên trên địa bàn, nhất là tài nguyên đất. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, góp phần phát triển bền vững; bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên với môi trường xã hội ở các KCN, đô thị, dân cư.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai. Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm và hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh. Sử dụng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng. Siết chặt và tăng cường công tác quản lý đất đai để thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ, khai thác, chế biến, sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường. Tiếp tục rà soát các vướng mắc, bất cập liên quan đến các quy định, cơ chế, quy trình, thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản gắn với đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

Tập trung quyết liệt giải quyết hiệu quả vấn đề ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; thu hút đầu tư xây dựng các

⁵⁹ (1) Du lịch văn hóa - tâm linh, (2) Du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, (3) Du lịch vui chơi, giải trí, thể thao (golf), (4) Du lịch cộng đồng gắn với vùng cây ăn quả, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn

⁶⁰ Khu du lịch 1: Từ Tây Yên Tử đến chùa Vĩnh Nghiêm; KDL 2: Vùng cây ăn quả huyện Lục Ngạn, trung tâm là hồ Khuôn Thần; KDL 3: Dãy núi Nham Biền

⁶¹ Một số công trình giao thông trọng điểm, như: Đường Vành đai V; cầu Hà Bắc 1; cải tạo, mở rộng một số trục giao thông, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng cường liên kết vùng.

nhà máy xử lý rác thải hiện đại trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch. Quan tâm lựa chọn công nghệ sạch, thân thiện môi trường trong chấp thuận các dự án đầu tư. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường

Xây dựng và thực hiện các kế hoạch chủ động phòng, tránh thiên tai, các giải pháp thích ứng, đối phó với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

1.8. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng bền vững. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong vùng, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách riêng của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, tăng diện tích rừng kinh tế được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC). Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, công tác tôn giáo. Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội

2.1. Phát triển giáo dục, đào tạo

Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bố trí giáo viên đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập, khắc phục tình trạng thiếu trường, lớp học; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Tập trung triển khai "Xây dựng mô hình đơn vị học tập và cộng đồng học tập giai đoạn 2021-2030". Chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm tạo bước chuyển biến mới về chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các nhà trường. Tập trung rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học, giải quyết dứt điểm tình trạng dôi dư, thừa thiếu giáo viên cục bộ.

Đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Từng bước phấn đấu đưa Bắc Giang trở thành

trung tâm đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm uy tín, chất lượng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. Xây dựng, phát triển Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang trở thành trường chất lượng cao, có năng lực đào tạo các ngành nghề được các nước trong khu vực ASEAN và quốc tế công nhận, từng bước khẳng định vị thế đơn vị đào tạo nghề uy tín của vùng và cả nước; xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang trở thành cơ sở đào tạo đa ngành nghề và bậc học phục vụ con em đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Giang và một số vùng lân cận của tỉnh Thái Nguyên và Lạng Sơn, có uy tín về chất lượng, sát với thực tiễn lao động sản xuất.

Tập trung xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực phục vụ mục tiêu phát triển "hệ sinh thái công nghiệp bền vững", đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng, thu hút nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

2.2. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách; thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; có cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo các lĩnh vực công nghệ trọng tâm. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sản xuất và đời sống. Nghiên cứu, triển khai cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số dựa trên nền tảng mạng 5G; phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, các sản phẩm điện tử, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo. Hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ sản xuất, chế biến cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thế mạnh, tiềm năng xuất khẩu của tỉnh theo chuỗi giá trị, gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai hợp tác với các tập đoàn lớn trong nước để từng bước hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo có năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển. Đầu tư mở rộng, nâng cấp, sử dụng hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; xây dựng Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh. Duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (chỉ số PII) và chỉ số đánh giá chuyển đổi số (chỉ số DTI).

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyển đổi số; triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới, hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

2.3. Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh; củng cố hệ thống y tế dự phòng, bảo đảm phòng, chống hiệu quả các dịch bệnh. Tập trung quan tâm nâng cao chất lượng điều trị ở các cơ sở, các tuyến y tế. Quan tâm đầu tư xây dựng các bệnh viện, nâng cao tỷ lệ giường bệnh, bác sĩ.

Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại; triển khai phát triển một số kỹ thuật mới, chuyên sâu tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Tập trung đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận đầy đủ và thuận lợi với các dịch vụ y tế, đáp ứng mục tiêu công bằng, hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh (bệnh án điện tử; bệnh viện thông minh; khám, chữa bệnh từ xa; chụp chiếu không cần in phim). Nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ sở y tế.

Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Đầu tư theo lộ trình, phát triển hệ thống y tế dự phòng đủ khả năng dự báo, kiểm soát các dịch bệnh; nâng cao kỹ năng đáp ứng tình huống y tế khẩn cấp, năng lực xét nghiệm phục vụ công tác phòng, chống dịch.

Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc trẻ em,

nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, dịch vụ theo yêu cầu và đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện lối sống lành mạnh nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần của người dân.

2.4. Phát triển văn hóa, thể thao

Xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, hội đủ những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam và mang đậm nét đặc trưng của con người Bắc Giang; Yêu quê hương, đoàn kết, nhân ái, hiếu học, hội nhập, khát vọng vươn lên; quan tâm gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống địa phương. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Phát triển thể thao toàn diện, cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

Tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua ở khu dân cư. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển Thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Giang. Tổ chức tốt các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh; đồng thời, tích cực đăng cai tổ chức các giải thể thao toàn quốc để các vận động viên có điều kiện tập luyện và tham gia thi đấu đạt thành tích cao.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030. Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa đã được UNESCO ghi danh; di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích xếp hạng bị xuống cấp, các di tích có giá trị phát triển du lịch; các bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản văn hóa các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một. Tiếp tục tập trung phối hợp với các tỉnh Quảng Ninh và Hải Dương hoàn thiện hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc, trình UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Quan tâm xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho các tầng lớp Nhân dân. Nghiên cứu đầu tư sân vận động tỉnh. Phát triển hệ thống thư viện từ tỉnh đến cơ sở theo hướng thư viện điện tử, thư viện số. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của tỉnh.

2.5. Phát triển thông tin, truyền thông

Nâng cao chất lượng công tác báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cả nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tập trung sắp xếp các cơ quan báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo quản lý để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử. Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động xuất bản, bảo đảm đúng quy định. Quản lý chặt chẽ báo chí, thông tin điện tử; giám sát, quản lý thông tin trên mạng xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích dữ liệu xu thế thông tin và những vấn đề nổi cộm trên mạng xã hội liên quan đến tỉnh.

2.6. Về các vấn đề xã hội

Thực hiện tốt các chính sách xã hội; đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo. Huy động thêm các nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo. Bảo đảm hộ nghèo, người nghèo được tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông, khuyến lâm và các chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi ở các khu vực tập trung số hộ nghèo cao, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển mạnh kinh tế rừng để giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo, vùng bị thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, các chương trình, dự án đầu tư cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quan tâm các chính sách chăm sóc người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; trong đó, chú trọng người già cô đơn, trẻ em con gia đình nghèo, trẻ em khuyết tật... Chú trọng công tác đào tạo nghề, đẩy mạnh phát triển nhà ở và các thiết chế phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động.

3. Công tác nội chính, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

3.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương: Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện "Mẫu mực, tiêu biểu", có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các

tình huống, không để trở thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giúp nhân dân phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tinh vững chắc, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao. Thực hiện tốt công tác động viên, tuyển quân, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; quan tâm thực hiện chính sách hỗ trợ đối với quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Quản lý chặt chẽ đất quốc phòng, các điểm cao có giá trị quân sự trên địa bàn tỉnh

Quan tâm đầu tư ngân sách, huy động các nguồn lực, từng bước triển khai việc xây dựng trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự cấp xã đối với những địa phương đã bố trí được quỹ đất, phấn đấu hoàn thành trước năm 2030, bảo đảm phù hợp Luật Dân quân tự vệ và Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc ngay từ cơ sở, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu làm việc, huấn luyện, hoạt động sẵn sàng chiến đấu của lực lượng quân sự tại cơ sở.

3.2. Về công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an các cấp, nhất là công an cấp xã. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tăng cường các biện pháp nắm tình hình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, kiểm chế gia tăng tội phạm, giảm các tệ nạn xã hội. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận lòng dân vững chắc. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hiệu quả, thực chất; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

3.3. Công tác cải cách tư pháp. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp

luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tổ chức tốt việc thi hành pháp luật ở địa phương; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân.

Tập trung thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về cải cách tư pháp. Quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nói riêng, nhất là công tác xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp có đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp các cấp, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho các cơ quan tư pháp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp để bảo đảm giải quyết công việc theo hướng nhanh, kịp thời, chính xác, dân chủ, công bằng, đúng pháp luật.

3.4. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân của người đứng đầu. Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của Nhân dân. Tập trung giải quyết hiệu quả đơn, thư khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở; rà soát, giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

3.5. Về công tác đối ngoại: Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại của tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại; chú trọng quảng bá, xây dựng hình ảnh nhằm nâng cao, khẳng định vị thế của địa phương. Huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển của tỉnh.

Gắn kết chặt chẽ hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trên các lĩnh vực. Tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển với các tỉnh giáp ranh; thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương của các nước trong khu vực và trên thế giới. Tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi trong quá trình hội nhập quốc tế, lấy ngoại giao kinh tế là trọng tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Công tác xây dựng chính quyền

Lãnh đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền 02 cấp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong tình hình mới.

Tập trung nâng cao chất lượng ban hành chính sách, vai trò giám sát của HĐND các cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp, các cuộc tiếp xúc cử

tri và hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động của đại biểu HĐND các cấp.

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và thành lập các đơn vị hành chính đô thị bảo đảm đúng quy hoạch, lộ trình theo quy định.

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang. Tập trung lãnh đạo xây dựng bộ máy cơ quan nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, phục vụ nhân dân; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp. Đổi mới, nâng cao tính chuyên nghiệp và tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng phong cách làm việc "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân". Tiếp tục tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; phát huy tính tự chủ, sáng tạo của cấp dưới trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công, phân cấp. Xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đánh giá đúng người, đúng việc, đúng vị trí việc làm dựa trên hiệu quả và chất lượng công việc. Tăng cường thanh tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Công tác mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự phối hợp, tạo điều kiện của các cấp chính quyền đối với hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Sắp xếp, tinh gọn các cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể). Chú trọng lãnh đạo xây dựng và củng cố tổ chức mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thật sự vững mạnh. Quan tâm, tạo điều kiện để các hội quần chúng hoạt động theo quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích của các hội; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội; phát huy vai trò trong xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, tạo đồng thuận xã hội. ▶

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, thiết thực, hiệu quả, hướng các hoạt động về cơ sở; thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tích cực phát huy tốt vai trò nòng cốt trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương. Nâng cao năng lực, chất lượng giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực; chú trọng sơ kết, tổng kết các phong trào, cuộc vận động, các mô hình hiệu quả, nhân rộng điển hình tiên tiến trong các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước.

Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và các phong trào thi đua; phối hợp thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Các cấp công đoàn tập trung củng cố, phát triển tổ chức; tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Đề án số 19-ĐA/TU ngày 27/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập hợp công nhân lao động và phát triển đoàn viên, hội viên, các tổ chức chính trị - xã hội tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030; quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Hội nông dân tăng cường phối hợp thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh"; tuyên truyền, vận động nông dân tích cực phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các chuỗi liên kết giá trị. Hội phụ nữ tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới; hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh. Hội cựu chiến binh làm tốt công tác vận động cựu chiến binh gìn giữ, phát huy bản chất "Bộ đội Cụ Hồ"; gương mẫu, hăng hái tham gia các hoạt động xã hội; giáo dục chính trị tư tưởng cho thế hệ trẻ. Các cấp bộ Đoàn tiếp tục đổi mới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, thanh thiếu niên; tăng cường các biện pháp tập hợp, đoàn kết thanh niên thông qua các hoạt động đồng hành với thanh niên trong học tập, lao động, khởi nghiệp; không ngừng đổi mới, đa dạng hóa phương thức hoạt động, đưa các phong trào

hành động cách mạng ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển.

6. Về công tác xây dựng Đảng

Tập trung xây dựng Đảng bộ tỉnh thật sự trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đẩy mạnh công tác dân vận của hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Làm tốt công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

6.1. Tập trung làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức, công tác dân vận. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức trong toàn Đảng bộ tỉnh; phát huy tốt vai trò là lĩnh vực đi trước, mở đường. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đẩy mạnh giáo dục lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nâng cao vai trò của báo chí, phát thanh truyền hình, văn học, nghệ thuật trong công tác giáo dục tư tưởng chính trị. Chủ động, nâng cao chất lượng công tác nắm bắt, nghiên cứu, điều tra dư luận xã hội; định hướng dư luận, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên các cấp. Tiếp tục quan tâm tổng kết thực tiễn để đúc rút kinh nghiệm và bổ sung, hoàn thiện các mặt lý luận, các chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm túc các quy định về nêu gương, quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở theo hướng

thực chất, bền vững, thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Đẩy mạnh phong trào thi đua "Dân vận khéo" trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thường xuyên nắm tình hình nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo, kịp thời tham mưu giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong Nhân dân. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dân vận và thực hiện Luật Dân chủ ở cơ sở.

6.2. Thực hiện tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tập trung tham mưu thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở. Tiếp tục sắp xếp các mô hình tổ chức đảng bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; thường xuyên quan tâm củng cố các mặt hạn chế, yếu kém của tổ chức cơ sở đảng.

Quan tâm phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng, phấn đấu kết nạp đảng viên hằng năm đạt từ 3-4% tổng số đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; chú trọng kết nạp đảng viên trong đội ngũ công nhân lao động, học sinh- sinh viên, đơn vị sự nghiệp và khu vực nông thôn.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương ngang tầm nhiệm vụ. Thực hiện đánh giá cán bộ bảo đảm nghiêm túc, thực chất. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ. Thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030 và xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2030-2035, bảo đảm cơ cấu, tiêu chuẩn, chất lượng. Đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch, tạo điều kiện để cán bộ được rèn luyện, trưởng thành toàn diện; thực hiện nghiêm chuyển đổi vị trí công tác đối với các vị trí nhạy cảm, để phát sinh tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, phân công nhiệm vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị gắn với đề án vị trí việc làm. Thực hiện nghiêm yêu cầu về tiêu chuẩn cán bộ ở từng chức danh khi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ. Thực hiện tốt công tác thẩm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị. Duy trì thực hiện thường xuyên và có hiệu quả Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ. Tăng cường chỉ đạo công tác nắm

tình hình chính trị nội bộ trong Đảng bộ tỉnh, đặc biệt ở những nơi còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, tạo môi trường làm việc tốt để phát huy năng lực, sở trường và thu hút cán bộ chất lượng cao.

6.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Chú trọng nâng cao chất lượng xây dựng chương trình, kế hoạch và các cuộc kiểm tra, giám sát. Tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, đẩy mạnh kiểm tra chuyên đề đối với các tổ chức đảng, đảng viên, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Xử lý kiên quyết, kịp thời các trường hợp vi phạm kỷ luật đảng. Quan tâm kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra của Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

6.4. Đẩy mạnh đấu tranh phòng ngừa, gắn với chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, "tham nhũng vặt". Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nhất là trong hoạt động đấu thầu, quản lý tài chính, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công, quản lý và sử dụng đất đai, công tác tổ chức cán bộ. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái và tham nhũng trong Đảng, trong hệ thống chính trị.

6.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng. Nâng cao năng lực dự báo và chất lượng, hiệu quả ban hành, tổ chức thực hiện nghị quyết; tăng cường khảo sát, nắm tình hình thực tế trước khi ban hành các văn bản lãnh đạo của cấp ủy; để cao trách nhiệm của các đồng chí cấp ủy viên trong việc thảo luận, quyết định các vấn đề của tập thể và trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ở các lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách. Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và cấp ủy viên các cấp trong thực hiện nhiệm vụ. Xác định và lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả trong từng giai đoạn cụ thể. Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời cổ vũ, động viên các điển hình tiên tiến, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

IV- CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN TRONG NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khơi thông các nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm **bộ máy tinh - gọn - mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.** Tập trung **đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là lãnh đạo chủ chốt các cấp** có phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung” đi đôi với kiểm soát quyền lực, giữ vững kỷ cương.

2. Tăng cường đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, **ưu tiên phát triển hạ tầng công nghệ và chuyển đổi số, hạ tầng dịch vụ, hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị,** phục vụ hiệu quả quá trình quản lý, quản trị kinh tế - xã hội.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tập trung **xây dựng, đào tạo, thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực** phục vụ mục tiêu phát triển "hệ sinh thái công

ng nghiệp bền vững", đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đưa Bắc Giang trở thành trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao gắn với giải quyết việc làm, đáp ứng yêu cầu về lao động có uy tín, chất lượng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước.

Phát huy truyền thống văn hiến của quê hương cách mạng - anh hùng, kế thừa những kinh nghiệm quý báu cùng thành quả to lớn của gần 40 năm đổi mới đất nước, với quyết tâm chính trị cao và khát vọng vươn lên mạnh mẽ, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang tiếp tục đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đột phá, phát triển, quyết tâm xây dựng quê hương Bắc Giang ngày càng giàu mạnh, văn minh, góp phần cùng đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Hiện nay, Trung ương đang triển khai nghiên cứu tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các đơn vị hành chính; trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh, Tiểu ban Văn kiện sẽ tiếp tục bám sát chỉ đạo của Trung ương để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung liên quan bảo đảm phù hợp.

(Trong dự thảo Báo cáo còn một số số liệu đang được các cơ quan chức năng cập nhật)

BẢNG TỔNG HỢP
dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu trình Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX	Chỉ tiêu dự kiến trình Đại hội XX	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm	%	14	15	
	Cơ cấu kinh tế:				
	- Công nghiệp - xây dựng	%	69	75.2	
	- Dịch vụ	%	20.2	17.1	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10.8	6.1	
	- Thuế, sản phẩm	%	-	1.6	
2	GRDP bình quân đầu người	USD	4,900	8,000	
3	Thu ngân sách trên địa bàn (trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân/năm	%	14.4	8-10%	
	Phân đầu tư cân đối thu, chi thường xuyên của tỉnh.				
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn	ngìn tỷ đồng	366.3	641	
5	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP đến năm 2030	%		55	
6	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%		100	
	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường của Trạm y tế xã và Phòng khám ĐKKV)	giường	36.4	42.7	
	Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế	%	99.5	99.7	
7	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn)	%	0.9		
	Tỷ lệ các xã đặc biệt khó khăn	%	6.8		
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80	90	
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo	%	35	40-45	
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	30.2	33.2	
10	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		90.0	
	Tỷ lệ làng, bản, khu phố đạt danh hiệu làng, bản, khu phố văn hóa	%		88.0	
	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%		90.0	
11	Khách du lịch đến năm 2030	triệu lượt		6.5	
12	Duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chuyển đổi số	vị trí			Hiện đã trong top 10 cả nước về chuyển đổi số
13	Tỷ lệ đô thị hóa	%	57.6	68.4	
	Tỷ lệ dân số thành thị	%		41.1	
14	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	80.5	92.0	
	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	97.0	98.5	
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	58.0	90.0	
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	98.0	98.6	
15	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn	%			
	Tỷ lệ chất thải thu gom được xử lý hợp vệ sinh môi trường	%	87.0	90.0	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	88,46	90,9	
16	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới và nâng cao	%	47,2	60	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	13,7	24,6	
	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	6	5	(Đến 2030 có 5/7 huyện đạt chuẩn; thêm huyện Yên Thế đạt chuẩn NTM, giảm huyện Yên Dũng do sáp nhập và Việt Yên lên thị xã)
17	- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	huyện	1	2	(Đến năm 2030 huyện Lạng Giang đạt chuẩn NTM nâng cao)
	Hàng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	93.1	90	
18	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	91.08	90	

BẢNG TỔNG HỢP
các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đầu nhiệm kỳ XIX	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIX	Kết quả thực hiện						So với đầu nhiệm kỳ XIX	So với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIX	
					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Ước Năm 2024	Ước Năm 2025	Trong đó:			
										Nửa nhiệm kỳ			Cả nhiệm kỳ XIX
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm	%	13.9	14-15	14	14	8.5	19.2	15.1	13.9	13.6		Đạt
	Cơ cấu kinh tế:												
	- Công nghiệp - xây dựng	%	57.7	68.4	64.4	68.9	58.3	63.0	65.2	67.3	69.0		Đạt
	- Dịch vụ	%	24.7	20.6	22.3	20.2	24.4	22.4	21.7	20.8	20.2		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	17.6	11	13.3	10.9	17.3	14.7	13.1	11.9	10.8		
2	GRDP bình quân đầu người	USD	3,000	5,500-6000	-	4,853	3,040	3,600	3,950	4,400	4,853		Không đạt
3	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân/năm	%	18.9	14-16	4.4	8.7	49.7	0.7	-14.7	19.6	-1.5		Không đạt
4	Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025	ngìn tỷ đồng	230.1	470	259	366.300	64	74	76	71	81		Không đạt
5	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực)	giường	27	31.7	31.8	36.4	28.2	30.1	32.5	34.7	36.4		Vượt
	- Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	99	>99	99.2	99.5	99.1	99.23	99.26	99.32	99.5		Đạt
6	- Tuổi thọ của người dân trung bình	tuổi	73.4	75	73.7	74.7	73.6	73.65	74.4	74.5	74.7		Không đạt
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025)	%	3.14	1.00	3.00	0.9	5.27	3.81	2.63	1.82	0.9		Vượt
7	Tỷ lệ các xã đặc biệt khó khăn	%	13.45	12.6	13.78	6.8	20.7	27	13.6	10	6.8		Vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	80	76	80	72.0	74	76	78	80		Đạt
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo	%	19.5	25.1	33	35	21	32	33	34	35		Vượt
	- Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị	%	3	2.6	2.65	2.4	3	2.8	2.65	2.5	2.4		Vượt
	- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	38.4	28.9	25.2	21.3	30.4	32.6	26.8	24.3	21.3		Vượt
8	- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng	%	37.6	43.3	44.2	53.2	40.7	44.0	49.1	50.6	53.2		Vượt
	- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực dịch vụ	%	24.0	27.8	30.6	25.5	28.9	23.5	24.1	25.1	25.5		Vượt
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	%	93.2	96.4	94.9	96.4	93.9	94.5	95.1	95.5	96.4		Đạt
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	12.2	21.4	24.0	30.2	15.4	20.4	25.4	29.1	30.2		Vượt
9	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	74.5	85	82.7	87	93	81.2	85.7	86.7	86.8		Vượt
	- Thành thị	%	90	96	95	97.8	98	94	96.7	97.5	97.6		Vượt
	- Nông thôn	%	60	75	72.5	80.9	87.8	70.5	78.83	80.6	80.7		Vượt
	- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100		Đạt
	- Tỷ lệ ý thức vệ sinh môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	50	100	56.6	100.0	50	53.1	100.0	100.0	100.0		Đạt
	Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (đạt QCVN02 trở lên)	%	80.50	82.7	81.5	80.5	81.0	63.0	63.7	80.0	80.5		Không đạt
	- Tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch	%	90.2	94.8	93.5	97.0	91.1	92.1	93.1	96.8	97.0		Vượt
10	- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch	%	77.3	80	56.5	58.0	78.0	56.0	56.5	57.5	58.0		Không đạt
	Tỷ lệ dân số đô thị	%	21.69	32.4	23.7	57.6	23.0	23.3	23.7	57.4	57.6		Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	67.4	84.8	84.6	88	75	80	84.6	87.36	88.46		Vượt
	- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	3	6	5	7	4	5	6	6	6		Vượt
11	- Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	88	85	85.2	81	92	92.6	92.6	88.2	81		Không đạt
	- Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã	%	86	90	90	91	87.6	89.5	89.5	90	91		Vượt
	Hàng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	92.6	90	93	93.1	92.6	93.3	93.6	93	93		Vượt
12	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	90.43	84	91	91.08	90.43	91.07	91.9	91	91		Vượt